

CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHŨNG

Lời nói đầu

Các Quốc gia thành viên Công ước này,

Lo ngại về tính nghiêm trọng của các vấn đề cũng như những mối đe dọa do tham nhũng gây ra đối với sự ổn định và an ninh xã hội, xói mòn các thể chế và các giá trị dân chủ, các giá trị đạo đức, công lý và gây tổn hại đến sự phát triển bền vững và chế độ,

Cũng lo ngại về sự liên kết giữa tham nhũng với các loại tội phạm khác, đặc biệt là tội phạm có tổ chức và tội phạm kinh tế, kể cả tẩy rửa tiền,

Lo ngại thêm về các vụ tham nhũng liên quan đến số lượng lớn tài sản mà những tài sản này đóng một phần quan trọng nguồn lực của các quốc gia, và rằng các vụ tham nhũng này sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho ổn định chính trị và phát triển bền vững của các nước đó,

Tin tưởng cho rằng không còn là một vấn đề, tham nhũng là hiện tượng hiện đang vượt qua các biên giới quốc gia và ảnh hưởng đến mọi xã hội và nền kinh tế, nên hợp tác quốc tế nhằm ngăn ngừa và kiểm soát tham nhũng là yêu cầu cấp thiết,

Cũng tin tưởng rằng cần có một cách tiếp cận tổng thể và đa ngành để phòng, chống tham nhũng một cách có hiệu quả,

Tin tưởng thêm rằng trợ giúp kỹ thuật có thể đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng của các quốc gia, kể cả bằng cách tăng cường năng lực và xây dựng thể chế, để phòng, chống tham nhũng một cách có hiệu quả,

Tin tưởng rằng việc làm giàu cho cá nhân một cách bất hợp pháp có thể đặc biệt gây phương hại cho các thể chế dân chủ, các nền kinh tế quốc dân và chế độ pháp quyền,

Quyết tâm phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn tham nhũng một cách có hiệu quả hơn các hành vi chuyển nhượng quốc tế các tài sản có được một cách bất hợp pháp cũng như quyết tâm tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản,

Thừa nhận các nguyên tắc cơ bản về việc bảo đảm đúng trình tự thủ tục trong hoạt động tố tụng hình sự, dân sự hoặc hành chính liên quan đến việc phán quyết các quyền tài sản,

Ghi nhớ rằng việc ngăn ngừa và xoá bỏ tham nhũng là trách nhiệm của các quốc gia và rằng các quốc gia phải cùng nhau hợp tác, với sự hỗ trợ và tham gia của các cá nhân và các nhóm ngoài khu vực công như xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức cộng đồng nếu nỗ lực của họ trong lĩnh vực này có hiệu quả,

Cũng ghi nhận các nguyên tắc về quản lý đúng đắn công vụ và các nguyên tắc về tài sản công, công bằng, trách nhiệm và bình đẳng trước pháp luật cũng như sự cần thiết phải bảo đảm sự liêm chính và khuyến khích việc xây dựng văn hoá chống tham nhũng,

Biểu dương công việc của Ủy ban về Phòng chống tội phạm và Tư pháp hình sự và Văn phòng về Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc trong hoạt động phòng chống tham nhũng,

Nhắc lại công việc của các tổ chức quốc tế và khu vực khác trong lĩnh vực này, trong đó có các hoạt động của Liên minh châu Phi, Hội đồng châu Âu, Hội đồng hợp tác hải quan, (cũng được biết đến là Tổ chức Hải quan thế giới), Liên minh châu Âu, Liên đoàn các nước Ả rập, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế và Tổ chức các Quốc gia châu Mỹ,

Hài lòng ghi nhận các văn kiện đa phương về phòng, chống tham nhũng, trong đó có Công ước liên châu Mỹ về chống tham nhũng do Tổ chức các Quốc gia châu Mỹ thông qua ngày 29/3/1996, Công ước chống tham nhũng liên quan đến công chức của các nước châu Âu và công chức của các Quốc gia thành viên trong Liên minh châu Âu do Hội đồng Liên minh châu Âu thông qua ngày 26 tháng 5 năm 1997, Công ước chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thông qua ngày 21 tháng 11 năm 1977, Công ước luật hình sự về tham nhũng do Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu thông qua ngày 27 tháng 1 năm 1999, Công ước luật dân sự về tham nhũng do Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu thông qua ngày 4 tháng 11 năm 1999, Công ước của Liên minh các nước châu Phi về phòng, chống tham nhũng do các nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu Chính phủ Liên minh châu Phi thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2003,

Hoan nghênh việc Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có hiệu lực từ ngày 29 tháng 9 năm 2003,

Đã thỏa thuận như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tuyên bố về mục đích

Mục đích của Công ước này là:

- (a) Thúc đẩy và tăng cường các biện pháp phòng và chống tham nhũng một cách hữu hiệu và hiệu quả hơn;
- (b) Thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế và trợ giúp kỹ thuật trong việc phòng và chống tham nhũng, kể cả việc thu hồi tài sản;
- (c) Thúc đẩy sự liêm chính, chế độ trách nhiệm và việc quản lý đúng đắn công vụ và tài sản công.

Điều 2. Sử dụng thuật ngữ

Trong Công ước này,

(a) “*Công chức*” có nghĩa là: (i) bất kỳ người nào giữ chức vụ về lập pháp, hành pháp hoặc tư pháp của một Quốc gia thành viên do được bầu hay bổ nhiệm, làm việc không thời hạn hoặc có thời hạn, được trả lương hay không được trả lương, bất kể cấp bậc của người đó; (ii) bất kỳ người nào thực hiện chức năng nhà nước, kể cả cho cơ quan hay doanh nghiệp nhà nước, hoặc cung cấp một dịch vụ công, theo quy định trong pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên và được áp dụng trong lĩnh vực pháp luật liên quan của quốc gia thành viên đó; (iii) bất kỳ người nào được định nghĩa là “công chức” trong pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, đối với một số biện pháp cụ thể quy định trong Chương II của Công ước này, “công chức” có thể nghĩa là bất kỳ người nào thực hiện chức năng nhà nước hay cung cấp một dịch vụ công như được định nghĩa trong pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên và được áp dụng trong lĩnh vực pháp luật liên quan của quốc gia thành viên đó;

(b) “*Công chức nước ngoài*” có nghĩa là bất kỳ người nào giữ một chức vụ về lập pháp, hành pháp, hành chính hay tư pháp của một quốc gia nước ngoài, bất kể do bầu hay được bổ nhiệm; và bất kỳ người nào thực hiện một chức năng nhà nước cho một quốc gia nước ngoài, kể cả cho cơ quan hay doanh nghiệp nhà nước;

- (c) “*Công chức của tổ chức quốc tế công*” có nghĩa là công chức dân sự quốc tế hoặc bất kỳ người nào khác được một tổ chức quốc tế như vậy uỷ quyền hoạt động nhân danh tổ chức đó;
- (d) “*Tài sản*” có nghĩa là mọi loại tài sản, vật chất hay phi vật chất, động sản hay bất động sản, hữu hình hay trừu tượng, và các văn bản pháp lý hay giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó;
- (e) “*Tài sản do phạm tội mà có*” có nghĩa là bất kỳ tài sản bất nguồn hay có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua việc thực hiện một tội phạm;
- (f) “*Phong toả*” hay “*tạm giữ*” có nghĩa là việc tạm thời cấm chuyển giao, chuyển đổi, định đoạt hay chuyển dịch tài sản hoặc việc tạm thời lưu giữ hay kiểm soát tài sản theo lệnh của toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác;
- (g) “*Sung công*”, kể cả việc tịch thu khi thích hợp, có nghĩa là việc vĩnh viễn tước đi tài sản theo lệnh của toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;
- (h) “*Tội phạm gốc*” có nghĩa là bất kỳ tội phạm nào từ tội phạm đó xuất hiện tài sản và tài sản này có thể trở thành đối tượng của một tội phạm được quy định tại Điều 23 của Công ước này;
- (i) “*Vận chuyển có kiểm soát*” có nghĩa là kỹ thuật cho phép hàng hoá bất hợp pháp hoặc có nghi vấn được vận chuyển ra khỏi, qua hoặc vào lãnh thổ của một hoặc nhiều nước, nằm trong sự nhận thức và dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền của các nước đó, nhằm điều tra một hành vi phạm tội và xác định những người liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội này.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

1. Phù hợp với các điều khoản của Công ước, Công ước này được áp dụng đối với việc phòng ngừa, điều tra, truy tố tham nhũng cũng như đối với việc phong toả, tạm giữ, tịch thu và hoàn trả tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này.
2. Nhằm mục đích thực hiện Công ước này, các tội phạm nêu trong Công ước này không nhất thiết phải gây tổn thất hay thiệt hại đối với tài sản nhà nước, trừ trường hợp trong Công ước có quy định khác.

Điều 4. Bảo vệ chủ quyền

1. Các quốc gia thành viên sẽ thực hiện nghĩa vụ trong Công ước này của mình theo cách thức phù hợp với các nguyên tắc về bình đẳng chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia cũng như nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.
2. Không điều khoản nào trong Công ước này cho phép một quốc gia thành viên được thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia khác quyền tài phán và các chức năng của quốc gia đó theo pháp luật quốc gia của mình.

Chương II

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Điều 5. Chính sách và thực tiễn chống tham nhũng

1. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi Quốc gia thành viên sẽ xây dựng và thực hiện hoặc duy trì các chính sách chống tham nhũng hiệu quả và đồng bộ, những chính sách thúc đẩy sự tham gia của xã hội và thể hiện các nguyên tắc của chế độ pháp quyền, việc quản lý đúng đắn công vụ và tài sản công, sự liêm khiết, tính minh bạch và trách nhiệm.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ nỗ lực tạo dựng và tăng cường những thực tiễn hữu hiệu nhằm mục đích phòng ngừa tham nhũng.

3. Mỗi quốc gia thành viên sẽ nỗ lực đánh giá định kỳ các công cụ pháp lý và biện pháp hành chính nhằm xác định xem chúng đã đầy đủ chưa để phòng ngừa và chống tham nhũng.

4. Khi thích hợp và trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình, các quốc gia thành viên hợp tác với nhau và với các tổ chức khu vực và quốc tế liên quan trong việc thúc đẩy và xây dựng các biện pháp nói tại Điều này. Sự hợp tác đó có thể bao gồm việc tham gia vào các chương trình và dự án quốc tế nhằm phòng ngừa tham nhũng.

Điều 6. Cơ quan phòng chống tham nhũng

1. Phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên đảm bảo việc có một cơ quan hoặc một số cơ quan khí thích hợp, có trách nhiệm phòng ngừa tham nhũng bằng các biện pháp như:

(a) Thi hành các chính sách nói tại Điều 5 của Công ước này, và khi thích hợp, giám sát và phối hợp việc thi hành những chính sách đó;

(b) Nâng cao và phổ biến kiến thức về công tác phòng ngừa tham nhũng;

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ dành cho các cơ quan nói tại khoản 1 Điều này sự độc lập cần thiết trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình nhằm giúp cho những cơ quan này có thể thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả và không chịu bất kỳ sự ảnh hưởng trái pháp luật nào. Các phương tiện vật chất và đội ngũ cán bộ chuyên trách cần thiết cũng như việc đào tạo đội ngũ cán bộ này để họ có thể thực hiện chức năng của mình cần được đảm bảo.

3. Mỗi quốc gia thành viên thông báo cho Tổng Thư ký Liên hợp quốc tên và địa chỉ của một hoặc nhiều cơ quan có thẩm quyền có thể hỗ trợ các quốc gia thành viên khác trong việc xây dựng và thi hành các biện pháp cụ thể để phòng ngừa tham nhũng.

Điều 7. Khu vực công

1. Khi thích hợp và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên nỗ lực duy trì và củng cố chế độ tuyển dụng, thuê, giữ lại, đề bạt và hưu trí đối với công chức, và khi thích hợp, đối với cả những công chức không do bầu cử khác, mà

(a) Chế độ này dựa trên các nguyên tắc hiệu quả, minh bạch và tiêu chí khách quan như năng lực, công bằng và năng khiếu;

(b) Chế độ này bao gồm quy trình thích hợp để lựa chọn, đào tạo cá nhân vào những vị trí được coi là rất dễ liên quan đến tham nhũng, và khi thích hợp, để luân chuyển các cá nhân đó sang những vị trí khác;

(c) Chế độ này khuyến khích việc trả công thỏa đáng và trả lương công bằng, có xét tới mức độ phát triển kinh tế của mỗi quốc gia thành viên;

(d) Chế độ này thúc đẩy các chương trình giáo dục và đào tạo công chức nhằm giúp họ đáp ứng được những yêu cầu về tính chính xác, sự chính trực và đúng đắn khi thực hiện chức năng công, đồng thời có khóa đào tạo chuyên sâu và phù hợp nhằm tăng cường nhận thức của công chức về nguy cơ tham nhũng thường gắn với việc thực thi nhiệm vụ của mình. Những chương trình đào tạo này có thể đề cập đến những quy tắc và chuẩn mực xử sự ở những lĩnh vực liên quan.

2. Mỗi quốc gia thành viên cũng sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và hành chính thích hợp, phù hợp với các mục tiêu của Công ước và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, nhằm đưa ra những tiêu chuẩn về ứng cử và bầu cử vào các chức vụ nhà nước.

3. Mỗi quốc gia thành viên cũng sẽ xem xét tiến hành các biện pháp lập pháp và hành chính thích hợp, phù hợp với các mục tiêu của Công ước và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, nhằm tăng cường sự minh bạch trong việc cho các ứng cử viên vào các chức vụ nhà nước cũng như việc tài trợ cho các đảng chính trị, nếu phù hợp.

4. Mỗi quốc gia thành viên, trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, nỗ lực ban hành, duy trì và củng cố các cơ chế tăng cường minh bạch và phòng ngừa xung đột lợi ích.

Điều 8. Quy tắc ứng xử cho công chức

1. Nhằm đấu tranh chống tham nhũng, mỗi quốc gia thành viên sẽ thúc đẩy, cùng những tiêu chuẩn khác, sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong đội ngũ công chức nước mình trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật của mình.

2. Cụ thể, mỗi quốc gia thành viên sẽ nỗ lực áp dụng, trong khuôn khổ hệ thống pháp luật và thể chế nước mình, những quy tắc hoặc chuẩn mực ứng xử để đảm bảo việc thực hiện chức năng công được chính xác, chính trực và đúng đắn.

3. Để thực hiện những quy định của Điều này, khi thích hợp và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên xem xét đến các sáng kiến có liên quan của các tổ chức khu vực, liên khu vực và đa phương, chẳng hạn như Quy tắc ứng xử quốc tế dành cho Công chức có trong phụ lục của Nghị quyết số 51/59 ngày 12/12/1996 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc.

4. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên cũng sẽ xem xét đề ra các biện pháp và cơ chế để tạo thuận lợi cho công chức báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền về các hành vi tham nhũng mà họ phát hiện được trong khi thi hành công vụ.

5. Khi thích hợp và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên nỗ lực thiết lập các biện pháp và cơ chế yêu cầu công chức báo cáo cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan trong đó có những hoạt động công việc, các khoản đầu tư bên ngoài hay tài sản hoặc quà tặng giá trị lớn, những thứ mà có thể gây xung đột lợi ích khi họ thực hiện công vụ.

6. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp kỷ luật hoặc các biện pháp khác đối với những công chức vi phạm quy tắc hoặc tiêu chuẩn được xây dựng theo Điều này.

Điều 9. Mua sắm công và quản lý tài chính công

1. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các bước cần thiết để xây dựng được các cơ chế mua sắm phù hợp dựa trên sự minh bạch, cạnh tranh và tiêu chí khách quan trong khâu ra quyết định, giúp phòng ngừa tham nhũng có hiệu quả. Những cơ chế này, mà việc áp dụng chúng có thể tính đến các ngưỡng giá trị thích hợp sẽ điều chỉnh các vấn đề, trong đó có các vấn đề sau:

(a) Thông báo công khai về thủ tục mua sắm và hợp đồng mua sắm, trong đó có cả thông tin về mời thầu và thông tin thích hợp có liên quan về trao thầu, để các nhà thầu tiềm năng có đủ thời gian để chuẩn bị và nộp hồ sơ thầu;

(b) Đưa ra trước điều kiện tham gia thầu, kể cả tiêu chuẩn chọn và trao thầu và các quy định về đấu thầu, đồng thời công bố những điều kiện này;

(c) Sử dụng những tiêu chuẩn khách quan và định trước đối với việc quyết định mua sắm công nhằm tạo điều kiện cho việc xác minh về sự chính xác trong việc áp dụng các quy tắc hay thủ tục;

(d) Một cơ chế xem xét lại hữu hiệu, trong đó có cơ chế kháng nghị hữu hiệu, nhằm đảm bảo việc viện dẫn ra tòa và áp dụng các chế tài được thực hiện trong trường hợp các quy định hay quy trình mua sắm ban hành theo khoản này không được tuân thủ;

(e) Khi thích hợp, các biện pháp để điều chỉnh những vấn đề liên quan đến cán bộ chịu trách nhiệm mua sắm, chẳng hạn như tuyên bố về lợi ích trong các lần mua sắm công cụ thể, trình tự giám sát và yêu cầu về đào tạo.

2. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm tăng cường minh bạch và trách nhiệm trong quản lý tài chính công. Những biện pháp này bao gồm:

(a) Thủ tục thông qua ngân sách quốc gia;

(b) Báo cáo kịp thời về thu và chi;

(c) Hệ thống các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán, và cơ chế giám sát có liên quan;

(d) Cơ chế quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ có hiệu quả và hữu hiệu; và

(e) Khi thích hợp, biện pháp khắc phục trong trường hợp không tuân thủ những yêu cầu theo quy định của khoản này.

3. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp hành chính và dân sự cần thiết đảm bảo sự minh bạch của sổ sách kế toán, chứng từ, báo cáo tài chính hoặc các tài liệu khác liên quan đến thu, chi công, và phòng ngừa việc giả mạo những tài liệu này.

Điều 10. Báo cáo công khai

Xét đến sự cần thiết phải đấu tranh chống tham nhũng, trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để tăng cường minh bạch trong quản lý hành chính công, kể cả về tổ chức, quá trình thực hiện và ra quyết định. Các biện pháp đó bao gồm:

(a) Ban hành những thủ tục hoặc quy định cho phép công chúng, khi thích hợp, có được thông tin về tổ chức, quá trình thực hiện và ra quyết định của các cơ quan hành chính nước mình, cũng như các thông tin về quyết định và hành vi pháp lý liên quan đến công chúng mà vẫn đảm bảo được bí mật và thông tin cá nhân;

(b) Đơn giản hóa thủ tục hành chính ở những khâu thích hợp nhằm tạo điều kiện cho công chúng tiếp cận với cơ quan có thẩm quyền ra quyết định ;

(c) Công bố thông tin, trong đó có thể bao gồm báo cáo định kỳ, về nguy cơ tham nhũng trong các cơ quan hành chính nước mình.

Điều 11. Các biện pháp liên quan đến hoạt động truy tố và xét xử

1. Ghi nhớ sự độc lập của cơ quan tư pháp và vai trò quan trọng của cơ quan này trong đấu tranh chống tham nhũng, trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình và không ảnh hưởng đến tính độc lập trong hoạt động xét xử, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp tăng cường tính liêm khiết cho cán bộ toà án và phòng ngừa những cơ hội tham nhũng đến với họ. Những biện pháp này có thể bao gồm việc ban hành bộ quy tắc ứng xử cho cán bộ toà án.

2. Những biện pháp có tác dụng tương tự như biện pháp được áp dụng theo khoản 1 của Điều này có thể được ban hành và áp dụng trong cơ quan công tố ở những quốc gia thành viên mà cơ quan công tố không trực thuộc hệ thống toà án mà có vị trí độc lập như các cơ quan tư pháp.

Điều 12. Khu vực tư

1. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp để phòng ngừa tham nhũng liên quan đến khu vực tư, tăng cường các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán trong khu vực tư và, khi thích hợp, ban hành những chế tài dân sự, hành chính hoặc hình sự hiệu quả tương xứng và có tính răn đe đối với những hành vi không tuân thủ các biện pháp này.

2. Những biện pháp để đạt được mục đích này, có thể bao gồm:

(a) Thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật và các tổ chức tư nhân tương ứng;

(b) Thúc đẩy xây dựng các chuẩn mực và thủ tục nhằm bảo vệ sự liêm khiết của các tổ chức tư nhân tương ứng, trong đó có quy tắc ứng xử về tính chính xác, tính chính trực và tính đúng đắn trong hoạt động kinh doanh và tất cả các nghề nghiệp liên quan, đồng thời thúc đẩy công tác phòng ngừa xung đột lợi ích, thúc đẩy nhân rộng các thực tiễn thương mại tốt trong hoạt động kinh doanh và trong quan hệ hợp đồng với quốc gia đó;

(c) Tăng cường tính minh bạch giữa các tổ chức tư nhân, khi thích hợp áp dụng cả các biện pháp nhận dạng cá nhân tham gia thành lập và quản lý công ty;

(d) Phòng ngừa việc lạm dụng thủ tục điều chỉnh tổ chức tư nhân, trong đó có thủ tục trợ cấp và cấp phép của các cơ quan chức năng đối với các hoạt động thương mại;

(e) Phòng ngừa xung đột lợi ích bằng cách cấm, khi thấy phù hợp và trong một thời gian hợp lý, những người đã từng là công chức thực hiện các hoạt động nghề nghiệp hoặc cấm khu vực tư nhân tuyển dụng công chức vào làm việc sau khi họ đã từ chức hoặc về hưu nếu các hoạt động nghề nghiệp hoặc việc tuyển dụng đó có liên quan trực tiếp đến chức năng mà công chức này đảm nhiệm hoặc giám sát khi còn đương nhiệm.

(f) Đảm bảo rằng các doanh nghiệp tư nhân, trên cơ sở xét đến cơ cấu tổ chức và quy mô của mình, có chế độ kiểm soát kiểm toán nội bộ nhằm phòng ngừa và phát hiện hành vi tham nhũng; và rằng các tài khoản và các báo cáo tài chính cần thiết của những doanh nghiệp này tuân thủ các quy trình thích hợp về kiểm toán và chứng nhận.

3. Nhằm mục đích phòng ngừa tham nhũng, phù hợp với pháp luật và quy định của nước mình về duy trì sổ sách, chứng từ, công khai báo cáo tài chính và tiêu chuẩn kế toán, kiểm toán, mỗi Quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp cần thiết để cấm những hành vi sau đây được thực hiện nhằm mục đích phạm bất kỳ tội nào trong những tội được quy định theo Công ước này:

(a) Lập tài khoản ngoài sổ sách;

- (b) Tiến hành giao dịch ngoài sổ sách hoặc giao dịch không được xác minh thoả đáng;
- (c) Lập chứng từ không;
- (d) Đưa vào sổ sách những khoản nợ mà xác định sai đối tượng nợ;
- (e) Dùng giấy tờ, chứng từ giả; và
- (f) Cố tình huỷ tài liệu sổ sách trước thời hạn do pháp luật quy định.

4. Mỗi quốc gia thành viên không cho phép việc khấu trừ thuế đối với các khoản chi tiêu là tiền hối lộ, mà khoản tiền hối lộ này là một trong những yếu tố cấu thành các tội phạm được quy định theo Điều 15 và Điều 16 của Công ước này, và khi thích hợp, đối với cả các khoản chi tiêu khác phát sinh để thực hiện hành vi tham nhũng.

Điều 13. Tham gia của xã hội

1. Trong khả năng có thể và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm thúc đẩy sự tham gia chủ động của các cá nhân và tổ chức ngoài khu vực công, như xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức cộng đồng, vào công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng; và nhằm nâng cao nhận thức của công chúng về sự tồn tại, nguyên nhân và tính chất nghiêm trọng cũng như sự đe dọa của tham nhũng. Sự tham gia đó cần được tăng cường thông qua các biện pháp như:

- (a) Tăng cường tính minh bạch trong các quy trình ra quyết định, thúc đẩy đóng góp của công chúng vào các quy trình ra quyết định;
- (b) Đảm bảo cho công chúng được tiếp cận thông tin một cách hiệu quả;
- (c) Tổ chức các hoạt động thông tin cho công chúng góp phần đấu tranh không khoan nhượng chống tham nhũng, cũng như các chương trình giáo dục công chúng, bao gồm cả chương trình giảng dạy trong nhà trường và trường đại học.
- (d) Tôn trọng, tăng cường và bảo vệ quyền tự do tìm kiếm, nhận, xuất bản và tuyên truyền thông tin về tham nhũng. Quyền tự do đó có thể cũng có một số giới hạn nhất định, nhưng những giới hạn đó phải được pháp luật quy định và phải là cần thiết để:
 - (i) Tôn trọng quyền và danh tiếng của người khác;
 - (ii) Bảo vệ an ninh quốc gia hay trật tự công cộng hay sức khoẻ hoặc đạo đức cộng đồng .

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp đảm bảo công chúng biết đến các cơ quan chống tham nhũng nêu trong Công ước này và phải cho phép tiếp cận với các cơ quan này khi thích hợp để công chúng có thể thông báo, kể cả dưới hình thức nặc danh, về bất kỳ sự kiện nào có thể được coi là cấu thành một tội phạm được quy định theo Công ước này.

Điều 14. Các biện pháp chống rửa tiền

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ:

- (a) Trong phạm vi thẩm quyền của mình, thiết lập một cơ chế giám sát và điều tiết toàn diện trong nước đối với các ngân hàng, các định chế tài chính phi ngân hàng, kể cả các cá nhân hay pháp nhân cung cấp dịch vụ chính thức hoặc không chính thức về chuyển tiền hoặc vật có giá trị, và khi thích hợp, cả những cơ quan khác đặc biệt dễ liên quan đến rửa tiền, nhằm ngăn chặn, phát hiện mọi hình thức rửa tiền; cơ chế điều tiết và giám sát này phải nhấn mạnh đến các yêu

cầu về xác định khách hàng và cả người sở hữu hưởng lợi khi thích hợp, lưu giữ hồ sơ và báo cáo về các giao dịch đáng ngờ;

(b) Trên cơ sở không trái với Điều 46 của Công ước này, đảm bảo rằng các cơ quan hành chính, giám sát, thực thi pháp luật và các cơ quan khác chuyên về chống rửa tiền (bao gồm cả các cơ quan tư pháp nếu phù hợp với pháp luật quốc gia) có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin ở cấp quốc gia và quốc tế trong phạm vi điều kiện mà pháp luật quốc gia quy định và, nhằm mục đích này, xem xét thành lập một đơn vị tình báo tài chính để hoạt động như một trung tâm quốc gia để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về hoạt động rửa tiền tiềm tàng.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét thực hiện các biện pháp khả thi nhằm phát hiện, kiểm soát việc di chuyển tiền mặt và các công cụ có giá trị chuyển đổi qua biên giới nước mình, nhưng cũng tuân thủ biện pháp an ninh nhằm đảm bảo sử dụng thông tin đúng đắn và không gây trở ngại dưới bất kỳ hình thức nào tới việc di chuyển các dòng vốn hợp pháp. Những biện pháp như vậy có thể bao gồm biện pháp yêu cầu các cá nhân và tổ chức kinh doanh báo cáo về việc chuyển qua biên giới những lượng tiền mặt lớn và các công cụ có giá trị chuyển đổi khác.

3. Các quốc gia thành viên xem xét thực hiện các biện pháp phù hợp và khả thi yêu cầu các định chế tài chính, kể cả bên chuyển tiền:

(a) Điền vào đơn chuyển tiền qua đường điện tử và các loại thư tín liên quan thông tin chính xác và có ý nghĩa về người gửi tiền;

(b) Duy trì thông tin đó xuyên suốt quá trình chi trả; và

(c) Tăng cường giám sát việc chuyển các khoản tiền không có thông tin đầy đủ về người gửi tiền.

4. Khi thiết lập một cơ chế quản lý và giám sát trong nước theo quy định của Điều này và trên cơ sở không trái các điều khoản khác của Công ước này, các Quốc gia thành viên được khuyến nghị sử dụng các sáng kiến chống rửa tiền có liên quan của các tổ chức khu vực, liên khu vực và đa phương như là định hướng giải quyết vấn đề.

5. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực phát triển và thúc đẩy hợp tác song phương, tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu giữa các cơ quan tư pháp, thực thi pháp luật và giám sát tài chính nhằm đấu tranh chống rửa tiền.

Chương III

HÌNH SỰ HOÁ VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

Điều 15. Hối lộ công chức quốc gia

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm các hành vi sau đây, nếu được thực hiện một cách cố ý:

(a) Hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức bất kỳ một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân công chức ấy hay cho một người hoặc một tổ chức khác, để công chức này làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ;

(b) Hành vi của công chức, trực tiếp hay gián tiếp, đòi hoặc nhận một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân công chức hay cho người hoặc tổ chức khác, để công chức làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Điều 16. Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý hành vi hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công một lợi ích không chính đáng cho bản thân công chức hoặc người hay tổ chức khác, để công chức đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ, nhằm có được hoặc duy trì công việc kinh doanh hay lợi thế không chính đáng khác liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý hành vi của công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công đòi hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích không chính đáng cho bản thân công chức hoặc người hay tổ chức khác, để công chức đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Điều 17. Tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm, khi được thực hiện một cách cố ý, hành vi của công chức tham ô, biển thủ hoặc chiếm đoạt dưới các hình thức khác cho bản thân hoặc cho người hay tổ chức khác công quỹ hoặc tư quỹ hoặc chứng khoán hay bất cứ thứ gì có giá trị mà công chức này được giao quản lý do địa vị của mình.

Điều 18. Lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định các hành vi sau là tội phạm nếu được cố ý thực hiện:

(a) Hành vi hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức hoặc người khác một lợi ích không chính đáng để công chức hay người đó dùng ảnh hưởng thực sự hay giả định của mình nhằm đạt được từ một cơ quan hành chính hay một cơ quan công quyền của Quốc gia thành viên một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân người có hành vi hứa hẹn, tặng hay cho nói trên hoặc cho người khác;

(b) Hành vi của công chức hay người khác, trực tiếp hay gián tiếp đòi hoặc nhận bất kỳ lợi ích không chính đáng nào cho bản thân mình hoặc cho người khác, để lợi dụng ảnh hưởng thực sự hay giả định của mình nhằm đạt được từ một cơ quan hành chính hay một cơ quan công quyền của Quốc gia thành viên một lợi ích không chính đáng.

Điều 19. Lạm dụng chức năng

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý, hành vi vi phạm pháp luật, hành động hoặc không hành động, của một công chức lạm dụng chức năng hay vị trí của mình, khi thi hành công vụ nhằm mục đích đạt được một lợi ích không chính đáng cho bản thân, cho người hay tổ chức khác.

Điều 20. Làm giàu bất hợp pháp

Trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình, mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý, hành vi làm giàu bất hợp pháp, nghĩa là việc tài sản của một công chức tăng đáng kể so với thu nhập hợp pháp của công chức mà công chức này không giải thích được một cách hợp lý về lý do tăng đáng kể như vậy.

Điều 21. Hối lộ trong khu vực tư

Mỗi Quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định những hành vi sau là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý trong hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại:

(a) Hành vi hứa hẹn, chào mời hay cho một lợi ích không chính đáng, trực tiếp hay gián tiếp cho người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của chính người đó hay của người hoặc tổ chức khác, để người đó vi phạm nhiệm vụ của mình bằng cách làm hoặc không làm một việc gì;

(b) Hành vi đòi hoặc nhận trực tiếp hay gián tiếp lợi ích không chính đáng bởi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của bản thân người đó hay của người khác để vi phạm nhiệm vụ của mình bằng cách làm hay không làm một việc gì

Điều 22. Biễn thủ tài sản trong khu vực tư

Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm đối với hành vi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư biễn thủ tài sản, quỹ tư hoặc chứng khoán hoặc bất kỳ thứ gì khác có giá trị mà người này được giao quản lý do vị trí của mình, nếu hành vi biễn thủ đó được thực hiện một cách cố ý trong quá trình hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại.

Điều 23. Tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có

1. Mỗi quốc gia thành viên, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm các hành vi dưới đây, khi được thực hiện một cách cố ý:

(a) (i) Chuyển đổi hay chuyển nhượng tài sản, dù đã biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nhằm che dấu hoặc nguy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản đó hoặc nhằm giúp đỡ bất kỳ ai có liên quan đến việc thực hiện tội phạm gốc để lẩn tránh trách nhiệm pháp lý đối với hành vi của người này;

(ii) Che dấu hoặc nguy trang bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, sự chuyển nhượng, sự vận chuyển hoặc sở hữu hoặc các quyền liên quan đến tài sản, dù đã biết tài sản đó do phạm tội mà có;

(b) Phụ thuộc vào các khái niệm căn bản của hệ thống pháp luật nước mình:

(i) Nhận, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, mà tại thời điểm nhận đã biết rằng tài sản đó do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, phối hợp với hoặc có âm mưu thực hiện hành vi, cố gắng thực hiện hành vi hay giúp sức, xúi bẩy, tạo điều kiện thuận lợi và bày mưu để thực hiện bất kỳ tội phạm nào quy định tại Điều này.

2. Để thi hành hay áp dụng khoản 1 của Điều này:

(a) Mỗi quốc gia thành viên sẽ cố gắng áp dụng khoản 1 của Điều này ở phạm vi rộng nhất của các tội phạm gốc;

(b) Mỗi quốc gia thành viên sẽ quy định là tội phạm gốc đối với ít nhất là những tội phạm được quy định theo Công ước này;

(c) Để thực hiện điểm (b) trên đây, các tội phạm gốc bao gồm các tội phạm trong và ngoài phạm vi tài phán của quốc gia thành viên có liên quan. Tuy nhiên, các tội phạm ngoài phạm vi tài phán của một quốc gia thành viên sẽ chỉ cấu thành các tội phạm gốc khi hành vi tương ứng là hành vi phạm tội chiều theo pháp luật quốc gia của nhà nước nơi hành vi đó được thực hiện và sẽ là hành vi phạm tội chiều theo pháp luật của quốc gia thành viên đang thực hiện hoặc áp dụng Điều này nếu nó được thực hiện ở đó;

(d) Mỗi quốc gia thành viên sẽ cung cấp bản sao các văn bản pháp luật cho phép thực hiện Điều này cùng các thay đổi sau đó của các văn bản pháp luật này hoặc một bản mô tả các văn bản đó cho Tổng thư ký Liên hiệp quốc;

(e) Nếu các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên đòi hỏi, các tội phạm nói tại khoản 1 Điều này không áp dụng cho những người thực hiện tội phạm gốc.

Điều 24. Che giấu tài sản

Trên cơ sở không trái với quy định tại Điều 23 của Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm hành vi che giấu, tiếp tục chiếm giữ tài sản dù biết rằng tài sản đó có được là từ thực hiện bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Công ước này và nếu hành vi đó được thực hiện một cách cố ý sau khi tội phạm nói trên được thực hiện dù người thực hiện hành vi không tham gia vào tội phạm đó.

Điều 25. Cản trở hoạt động tư pháp

Mỗi quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm các hành vi dưới đây, khi được thực hiện một cách cố ý:

(a) Dùng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa hay hứa hẹn, chào mời hay cho một lợi ích không chính đáng để có lời khai gian dối hoặc để can thiệp vào việc khai báo hay việc đưa ra chứng cứ trong thủ tục tố tụng liên quan đến việc phạm các tội được quy định theo Công ước này;

(b) Dùng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa cản trở việc thi hành công vụ của viên chức tư pháp hay viên chức thực thi pháp luật liên quan đến việc thực hiện tội phạm được quy định theo Công ước này. Không quy định nào trong khoản này gây phương hại đến quyền của các quốc gia thành viên ban hành các quy định bảo vệ công chức thuộc lĩnh vực khác.

Điều 26. Trách nhiệm của pháp nhân

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết, phù hợp với các nguyên tắc pháp luật của mình, để quy định trách nhiệm của pháp nhân về việc tham gia vào các tội phạm được quy định theo Công ước này.

2. Phụ thuộc vào các nguyên tắc pháp luật của quốc gia thành viên, trách nhiệm của pháp nhân có thể là trách nhiệm hình sự, dân sự hoặc hành chính.

3. Trách nhiệm này không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của cá nhân đã thực hiện tội phạm.

4. Cụ thể, mỗi quốc gia thành viên sẽ đảm bảo các pháp nhân chịu trách nhiệm theo quy định của Điều này phải chịu chế tài hình sự hoặc phi hình sự hiệu quả, tương xứng và có tác dụng ngăn ngừa, kê cả hình phạt tiền.

Điều 27. Đồng phạm, nỗ lực phạm tội

1. Phù hợp với pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm, hành vi tham gia với bất kỳ tư cách nào vào việc phạm những tội được quy định theo Công ước này, như đồng phạm, người giúp sức hay người xúi giục.

2. Phù hợp với pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm, hành vi nỗ lực thực hiện các tội phạm được quy định theo Công ước này.

3. Phù hợp với pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm, hành vi chuẩn bị phạm một tội phạm được quy định theo Công ước này.

Điều 28. Ý thức, ý định hoặc mục đích là các yếu tố cấu thành tội phạm

Ý thức, ý định hoặc mục đích là các yếu tố cấu thành của một tội phạm được quy định theo Công ước này có thể được suy đoán từ hoàn cảnh thực tế khách quan.

Điều 29. Thời hiệu

Phù hợp với pháp luật nước mình, khi thích hợp, mỗi quốc gia thành viên sẽ quy định về thời hiệu đủ dài để bắt đầu quá trình tố tụng đối với bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Công ước này và quy định về thời hiệu dài hơn hoặc quy định không áp dụng thời hiệu khi người bị coi là phạm tội lần tránh quá trình tố tụng.

Điều 30. Truy tố, xét xử và chế tài

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ đảm bảo các tội phạm được quy định theo Công ước này phải chịu những hình phạt có tính đến mức độ nghiêm trọng của tội phạm đó.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để thiết lập hoặc duy trì, phù hợp với hệ thống pháp luật và các nguyên tắc hiến định của mình, sự cân bằng hợp lý giữa quyền miễn trừ hoặc đặc quyền tư pháp dành cho đội ngũ công chức để thực hiện nhiệm vụ và khả năng, khi cần thiết để điều tra, truy tố, xét xử một cách có hiệu quả các tội phạm được quy định theo Công ước này.

3. Mỗi quốc gia thành viên cố gắng đảm bảo các quyền thực thi pháp luật độc lập theo quy định của pháp luật quốc gia liên quan đến việc truy tố người thực hiện tội phạm được quy định theo Công ước này đều được thực hiện để tối đa hoá hiệu quả của các biện pháp thực thi pháp luật xử lý các tội phạm trên và tôn trọng đúng mức sự cần thiết phải ngăn chặn các tội phạm trên.

4. Đối với các tội phạm được quy định theo Công ước này, căn cứ vào pháp luật quốc gia và tôn trọng đúng mức quyền bào chữa, mỗi quốc gia thành viên sẽ có các biện pháp thích hợp để đảm bảo các điều kiện được đặt ra đối với những quyết định miễn việc tạm giam trong thời gian chờ xét xử hoặc kháng án phải tính đến yêu cầu đảm bảo sự có mặt của bị cáo trong các quá trình tố tụng hình sự sau đó.

5. Mỗi quốc gia thành viên phải tính đến mức độ nghiêm trọng của tội phạm có liên quan khi cân nhắc thực hiện của việc tha trước thời hạn hay ân xá người bị kết án về tội phạm này.

6. Trong phạm vi cho phép bởi các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc thiết lập các thủ tục mà thông qua đó một công chức bị buộc tội có hành vi phạm tội được quy định theo Công ước này có thể, khi thích hợp, bị cách chức,

đình chỉ hoặc điều động công tác bởi cơ quan có thẩm quyền, song, cần tôn trọng nguyên tắc suy đoán vô tội.

7. Trường hợp được phép, căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của tội phạm, trong phạm vi cho phép bởi các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét thiết lập các quy trình để tước bỏ, theo lệnh của toà án hoặc theo bất kỳ cách thức thích hợp nào khác, trong thời hạn do pháp luật quốc gia quy định, quyền của người bị kết án về các tội phạm quy định trong Công ước này được:

a) Giữ một chức vụ công; và

b) Giữ một chức vụ trong một doanh nghiệp Nhà nước sở hữu toàn bộ hay một phần.

8. Khoản 1 của Điều này không làm phương hại đến các quyền quyết định kỷ luật của các cơ quan chức năng đối với công chức.

9. Không quy định nào trong Công ước này ảnh hưởng đến nguyên tắc là việc quy định tội phạm được quy định theo Công ước này và các quy định về bào chữa hay các nguyên tắc pháp lý khác về tính hợp pháp của hành vi phải được dành cho pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên và các tội phạm này phải bị truy tố và xử phạt theo quy định của pháp luật quốc gia đó.

10. Các quốc gia thành viên cố gắng thúc đẩy việc hoà nhập xã hội của người bị kết án do phạm tội được quy định theo Công ước này.

Điều 31. Phong tỏa, tạm giữ và tịch thu

1. Trong phạm vi rộng nhất được hệ thống pháp luật quốc gia cho phép, mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành các quy định cần thiết cho phép tịch thu:

(a) Tài sản do phạm tội mà có có nguồn gốc từ tội phạm được quy định theo Công ước này hoặc tài sản có giá trị tương đương với giá trị của tài sản do phạm tội mà có nói trên;

(b) Tài sản, trang thiết bị hay công cụ khác được sử dụng hoặc sẽ được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội quy định theo Công ước này.

2. Các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép nhận dạng, truy nguyên, phong tỏa hoặc tạm giữ bất kỳ loại tài sản nào quy định tại khoản 1 của Điều này để thực hiện mục đích cuối cùng là tịch thu.

3. Theo pháp luật quốc gia của mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để điều chỉnh việc các cơ quan chức năng quản lý tài sản bị phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu nói tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Nếu tài sản do phạm tội mà có đã bị biến đổi hoặc chuyển đổi, một phần hoặc toàn bộ, thành tài sản khác, tài sản khác này sẽ là đối tượng áp dụng các biện pháp nói tại Điều này thay cho tài sản do phạm tội mà có.

5. Nếu tài sản do phạm tội mà có lẫn lộn với tài sản có nguồn gốc hợp pháp, trên cơ sở không phương hại đến các quyền liên quan đến việc phong tỏa hoặc tạm giữ, tài sản có nguồn gốc hợp pháp sẽ bị tịch thu phần giá trị được định giá là có từ tài sản do phạm tội mà có.

6. Thu nhập hoặc các lợi ích khác có được từ tài sản do phạm tội mà có, từ tài sản được biến đổi hoặc chuyển đổi từ tài sản do phạm tội mà có hoặc từ tài sản mà trong đó lẫn lộn một phần là tài sản do phạm tội mà có sẽ là đối tượng của các biện pháp quy định tại Điều này, chịu xử lý theo cách thức và mức độ như đối với tài sản do phạm tội mà có.

7. Để thi hành Điều này và Điều 55 của Công ước này, mỗi quốc gia thành viên trao cho toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác quyền yêu cầu công khai các hồ sơ ngân hàng, tài chính, thương mại hoặc thu các hồ sơ này. Một quốc gia thành viên không được từ chối thực hiện theo quy định của khoản này với lý do giữ bí mật ngân hàng.

8. Các quốc gia thành viên có thể xem xét khả năng yêu cầu người có hành vi phạm tội phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị cho là do phạm tội mà có hoặc tài sản khác chịu tịch thu, trong chừng mực mà yêu cầu này phải tuân theo các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia và với tính chất của hoạt động xét xử và các hoạt động tố tụng khác.

9. Các quy định tại Điều này không được hiểu theo cách làm phương hại đến quyền của bên thứ ba ngay tình.

10. Không quy định nào của Điều này ảnh hưởng đến nguyên tắc là các quy định mà Điều này đề cập đến phải được xác định và thực hiện căn cứ trên và phụ thuộc vào các quy định trong pháp luật của quốc gia thành viên.

Điều 32. Bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp, theo pháp luật quốc gia và trong khả năng có thể để bảo vệ một cách hiệu quả nhân chứng và chuyên gia, những người đã đưa ra bằng chứng hoặc chứng thực liên quan đến các tội phạm quy định theo Công ước này và, nếu phù hợp, bảo vệ cả thân nhân và những người gần gũi với họ, khỏi những nguy cơ trả thù hay đe dọa

2. Không phương hại đến các quyền của bị cáo, kể cả quyền được xét xử một cách đúng luật, các biện pháp nêu trong khoản 1 của Điều này có thể bao gồm:

(a) Thiết lập các thủ tục bảo vệ an toàn thân thể những người này, chẳng hạn, trong phạm vi cần thiết và khả thi, tái định cư họ và quy định, nếu phù hợp, không tiết lộ hoặc tiết lộ hạn chế thông tin liên quan đến nhận dạng hoặc nơi ở của những người này;

(b) Đưa ra các quy định về chứng cứ cho phép nhân chứng và chuyên gia có thể làm chứng hoặc chứng thực theo cách đảm bảo an toàn cho họ, chẳng hạn có thể cho phép việc làm chứng hoặc chứng thực được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin liên lạc như video hay các phương tiện thích hợp khác.

3. Các quốc gia thành viên xem xét việc tham gia ký kết Hiệp định hoặc Thỏa thuận với quốc gia khác để tái định cư những người được nêu tại khoản 1 của Điều này.

4. Các quy định của Điều này cũng được áp dụng cho những nạn nhân có vai trò như nhân chứng.

5. Phụ thuộc vào quy định của pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ cho phép những ý kiến và quan ngại của nạn nhân được trình bày và được xem xét ở giai đoạn nhất định của quá trình tố tụng hình sự đối với người phạm tội, theo cách không phương hại đến các quyền bào chữa.

Điều 33. Bảo vệ người tố giác

Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc quy định các biện pháp thích hợp trong hệ thống pháp luật quốc gia để bảo vệ trước những đối xử bất công đối với bất kỳ người nào tố giác, với thiện ý và dựa trên những căn cứ hợp lý, với cơ quan có thẩm quyền về bất cứ vụ việc nào có liên quan đến các tội phạm quy định theo Công ước này.

Điều 34. Hậu quả của hành vi tham nhũng

Tôn trọng các quyền mà bên thứ ba có được một cách có thiện ý, các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp, căn cứ vào các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia, để giải quyết hậu quả của việc tham nhũng. Về khía cạnh này, các quốc gia thành viên có thể xem xét tham nhũng như là một yếu tố có liên quan trong các vụ kiện để huỷ bỏ hay bãi bỏ hợp đồng, rút lại sự nhượng quyền hay các giấy tờ tương tự khác hoặc áp dụng các biện pháp khắc phục thích hợp.

Điều 35. Bồi thường thiệt hại

Mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, căn cứ vào các nguyên tắc của pháp luật quốc gia, để đảm bảo rằng tổ chức hoặc người chịu thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra có quyền khởi kiện tổ chức hoặc người có trách nhiệm đối với những thiệt hại này để đòi bồi thường.

Điều 36. Cơ quan chuyên trách

Căn cứ vào các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ đảm bảo có một hoặc một số cơ quan chuyên trách hoặc đội ngũ cán bộ đấu tranh chống tham nhũng thông qua việc thực thi pháp luật. Những cơ quan hay cá nhân này sẽ được trao cho sự độc lập cần thiết, căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật của quốc gia thành viên, để có thể thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả và không phải chịu bất kỳ sự ảnh hưởng trái pháp luật nào. Đội ngũ cán bộ của các cơ quan này phải được đào tạo và cung cấp các phương tiện vật chất thích hợp để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 37. Hợp tác với cơ quan thực thi pháp luật

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm khuyến khích người tham gia hay người đã tham gia thực hiện một tội phạm được quy định trong Công ước cung cấp thông tin hữu ích cho các cơ quan có thẩm quyền nhằm mục đích điều tra và thu thập chứng cứ cũng như cung cấp sự giúp đỡ thực sự, cụ thể cho các cơ quan chức năng, góp phần ngăn cản những kẻ phạm tội có được tài sản do phạm tội mà có và thu hồi lại tài sản đó.
2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét quy định khả năng giảm nhẹ hình phạt, trong những vụ việc thích hợp, đối với người bị tố cáo nhưng đã hợp tác tích cực trong quá trình điều tra hay truy tố một tội phạm được quy định trong Công ước này.
3. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét quy định, trên cơ sở phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, khả năng miễn trừ truy tố đối với người đã hợp tác tích cực trong quá trình điều tra hay truy tố một tội phạm được quy định trong Công ước này.
4. Việc bảo vệ những người này cũng được thực hiện như quy định tại Điều 32 của Công ước này với những sửa đổi cần thiết.
5. Nếu người nêu trong khoản 1 của Điều này cư trú ở một quốc gia thành viên có thể hợp tác tích cực với các cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia thành viên khác thì các quốc gia thành viên có liên quan có thể xem xét đi đến thoả thuận hay dàn xếp với nhau, trên cơ sở phù hợp với pháp luật nước mình, về việc quốc gia thành viên kia có thể dành sự đối xử được đề cập tại các khoản 2 và 3 của Điều này.

Điều 38. Hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền quốc gia

Mỗi quốc gia thành viên, trên cơ sở phù hợp với pháp luật nước mình sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để khuyến khích các cơ quan có thẩm quyền quốc gia cũng như các công chức của các

cơ quan này hợp tác với các cơ quan chịu trách nhiệm về điều tra và truy tố tội phạm. Sự hợp tác đó có thể bao gồm:

(a) Khi có những cơ sở hợp lý để cho rằng một tội phạm trong những tội phạm được quy định tại các Điều 15, 21 và 23 của Công ước này đã được thực hiện thì chủ động thông báo cho những cơ quan chịu trách nhiệm điều tra hoặc tố tụng;

(b) Nếu được yêu cầu thì cung cấp cho cơ quan chức năng chịu trách nhiệm điều tra và tố tụng tất cả những thông tin cần thiết.

Điều 39. Hợp tác giữa cơ quan chức năng quốc gia và khu vực tư nhân

1. Mỗi quốc gia thành viên, trên cơ sở phù hợp pháp luật nước mình, áp dụng các biện pháp cần thiết khuyến khích mối quan hệ hợp tác giữa cơ quan điều tra và tố tụng quốc gia và các tổ chức thuộc khu vực tư nhân, đặc biệt là các thể chế tài chính, về những vấn đề liên quan đến các loại tội phạm mà Công ước này điều chỉnh.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét khuyến khích công dân nước mình và những người khác cư trú thường xuyên trên lãnh thổ nước mình báo cáo cho cơ quan điều tra và tố tụng quốc gia khi phát hiện thấy một tội phạm quy định trong Công ước này đã được thực hiện.

Điều 40. Bí mật ngân hàng

Mỗi quốc gia thành viên đảm bảo rằng, quá trình điều tra hình sự trong nước về những tội phạm được quy định theo Công ước này sẽ có các cơ chế thích hợp quy định trong hệ thống pháp luật quốc gia để giúp khắc phục những cản trở có thể nảy sinh từ việc áp dụng các quy định pháp luật về bí mật ngân hàng.

Điều 41. Hồ sơ hình sự

Mỗi quốc gia thành viên của Công ước sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác, theo các quy định và nhằm những mục đích mà quốc gia đó cho là phù hợp, nhằm xem xét đến bất kỳ bản án có từ trước nào đối với một người phạm tội tại một quốc gia khác nhằm mục đích sử dụng những thông tin đó vào quá trình tố tụng hình sự một tội phạm được quy định trong Công ước này.

Điều 42. Quyền tài phán

1. Mỗi quốc gia thành viên của Công ước sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những tội phạm được quy định trong Công ước này khi:

(a) Tội phạm đó được thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia thành viên đó; hay

(b) Tội phạm đó được thực hiện trên tàu thuyền đang treo cờ của quốc gia thành viên đó hay một máy bay được đăng ký theo luật của quốc gia thành viên đó tại thời điểm tội phạm đó được thực hiện.

2. Tuân thủ Điều 4 của Công ước này, một quốc gia thành viên cũng có thể quy định quyền tài phán của mình đối với bất kỳ tội phạm nào như vậy khi:

(a) Tội phạm đó được thực hiện đối với một công dân của quốc gia thành viên đó; hoặc

(b) Tội phạm đó được thực hiện bởi một công dân hay bởi một người không có quốc tịch nhưng thường trú trên lãnh thổ của quốc gia thành viên đó; hoặc

(c) Tội phạm đó là một trong những tội phạm được quy định theo khoản 1 (b) (ii) Điều 23 của Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ nước mình nhằm mục đích thực hiện một tội phạm được quy định theo khoản 1 (a) (i) hoặc (ii) hay (b) (i) Điều 23 của Công ước này trong phạm vi lãnh thổ nước mình;

(d) Tội phạm đó được thực hiện chống lại quốc gia thành viên đó.

3. Nhằm mục đích thực hiện Điều 44 của Công ước này, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm quy định quyền tài phán của mình đối với những tội phạm được quy định trong Công ước này khi người được coi là phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ nước mình và không dẫn độ người đó chỉ vì người đó là công dân của nước mình.

4. Mỗi quốc gia thành viên cũng có thể sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thiết lập quyền tài phán của mình đối với những tội phạm được quy định trong Công ước này khi người được coi là phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ nước mình và quốc gia thành viên không dẫn độ người đó.

5. Nếu một quốc gia thành viên thực hiện quyền tài phán của mình theo khoản 1 hay 2 của Điều này đã được thông báo, hay đã biết theo cách khác, rằng một quốc gia thành viên khác đang tiến hành điều tra, truy tố hay thực hiện thủ tục tư pháp đối với cùng một hành vi, khi thích hợp, các cơ quan có thẩm quyền của những quốc gia thành viên này sẽ tham khảo với nhau nhằm phối hợp hành động.

6. Không ảnh hưởng tới những nguyên tắc của pháp luật quốc tế nói chung, Công ước này không loại trừ việc thực hiện quyền tài phán hình sự do một Quốc gia thành viên quy định phù hợp với pháp luật của nước đó.

Chương IV

HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 43. Hợp tác quốc tế

1. Các quốc gia thành viên sẽ hợp tác về các vấn đề hình sự theo quy định tại các điều từ Điều 44 đến Điều 50 của Công ước này. Khi thích hợp và phù hợp với hệ thống pháp luật quốc gia của mình, các quốc gia thành viên sẽ xem xét trợ giúp cho nhau trong việc điều tra, tố tụng các vấn đề dân sự và hành chính liên quan đến tham nhũng.

2. Trong các vấn đề hợp tác quốc tế, khi nguyên tắc cùng hình sự hoá được coi là một yêu cầu, thì yêu cầu này được coi là được đáp ứng nếu hành vi cấu thành tội phạm được yêu cầu trợ giúp là một tội phạm theo pháp luật của cả hai quốc gia thành viên, bất kể pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu có quy định tội phạm liên quan có cùng loại với tội phạm hoặc định danh tội phạm theo cùng một thuật ngữ giống như quốc gia thành viên yêu cầu hay không.

Điều 44. Dẫn độ

1. Điều này được áp dụng đối với các tội phạm được quy định trong Công ước này khi người là đối tượng của yêu cầu dẫn độ có mặt trên lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu, với điều kiện tội phạm làm nảy sinh yêu cầu dẫn độ là tội phạm mà cả quốc gia thành viên yêu cầu và quốc gia thành viên được yêu cầu đều quy định sẽ bị trừng trị.

2. Dù có các quy định tại khoản 1 Điều này, nếu pháp luật nước mình cho phép, một quốc gia thành viên có thể cho tiến hành dẫn độ một người về bất kỳ tội nào quy định trong Công ước này mà tội phạm đó không bị trừng trị theo pháp luật quốc gia của mình.

3. Nếu yêu cầu dẫn độ bao gồm một số tội phạm riêng biệt mà ít nhất một trong số đó có thể bị dẫn độ theo Điều này và một số không bị dẫn độ theo Điều này vì lý do thời hạn bị phạt tù nhưng có liên quan đến các tội phạm được quy định trong Công ước này, thì quốc gia được yêu cầu cũng có thể áp dụng Điều này đối với các tội phạm đó.

4. Mỗi tội phạm trong số các tội phạm mà Điều này áp dụng sẽ được coi là một tội phạm có thể bị dẫn độ trong các điều ước về dẫn độ hiện có giữa các quốc gia thành viên. Các quốc gia thành viên cam kết sẽ đưa các tội phạm đó là các tội phạm có thể bị dẫn độ vào các điều ước về dẫn độ mà mình sẽ ký kết. Trong trường hợp một quốc gia thành viên sử dụng Công ước này làm cơ sở cho việc dẫn độ, quốc gia đó, nếu pháp luật nước cho phép, sẽ không được coi bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Công ước này là tội phạm chính trị.

5. Nếu một quốc gia thành viên quy định việc dẫn độ chỉ được thực hiện trên cơ sở có một điều ước, nhận được yêu cầu dẫn độ từ quốc gia thành viên khác mà giữa hai quốc gia này không có điều ước về dẫn độ, quốc gia được yêu cầu có thể coi Công ước này là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ loại tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của điều này.

6. Quốc gia thành viên quy định việc dẫn độ chỉ được thực hiện trên cơ sở có hiệp định dẫn độ:

(a) Vào thời điểm gửi lưu văn kiện phê chuẩn, công nhận, thông qua hoặc gia nhập Công ước này, sẽ thông báo cho Tổng Thư ký Liên hiệp Quốc về việc có lấy Công ước này làm căn cứ pháp lý cho hợp tác dẫn độ với các quốc gia thành viên khác của Công ước này hay không; và

(b) Nếu không chấp nhận Công ước này là căn cứ pháp lý để hợp tác dẫn độ thì khi có thể sẽ ký kết các điều ước về dẫn độ với các quốc gia thành viên khác của Công ước này để thực hiện điều này.

7. Các quốc gia thành viên không quy định việc dẫn độ phụ thuộc vào một hiệp định dẫn độ sẽ công nhận các tội phạm quy định trong Điều này là các tội phạm có thể bị dẫn độ giữa chính các quốc gia này với nhau.

8. Việc dẫn độ sẽ tuân theo các điều kiện quy định trong pháp luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ hoặc các điều ước về dẫn độ liên quan, trong đó có điều kiện về yêu cầu hình phạt tối thiểu và về những căn cứ mà dựa vào đó quốc gia được yêu cầu có thể từ chối dẫn độ.

9. Trên cơ sở tuân thủ pháp luật nước mình, các quốc gia thành viên sẽ cố gắng xúc tiến thủ tục dẫn độ và đơn giản hoá các yêu cầu về chứng cứ đối với bất kỳ tội phạm nào mà điều khoản này được áp dụng.

10. Trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và các điều ước về dẫn độ của mình, quốc gia thành viên được yêu cầu dẫn độ khi thấy hoàn cảnh cho phép và cấp thiết đồng thời nếu được đề nghị bởi quốc gia yêu cầu dẫn độ thì có thể tạm giam người là đối tượng dẫn độ đang có mặt trên lãnh thổ nước mình hoặc áp dụng các biện pháp phù hợp khác để bảo đảm rằng người đó sẽ có mặt khi tiến hành thủ tục dẫn độ.

11. Đối với quốc gia thành viên có người bị coi là tội phạm trên lãnh thổ của mình, nếu không dẫn độ người này chỉ vì người này là công dân nước mình, thì theo đề nghị của quốc gia thành viên yêu cầu dẫn độ, quốc gia đó sẽ nhanh chóng đưa vụ việc ra cho các cơ quan chức năng nước mình để truy tố. Các cơ quan chức năng này sẽ ra quyết định và thực hiện quá trình tố tụng theo cách vẫn làm đối với loại tội phạm nghiêm trọng theo pháp luật của quốc gia thành viên đó. Các quốc gia có liên quan sẽ hợp tác với nhau, đặc biệt là về mặt thủ tục và chứng cứ, để bảo đảm hiệu quả của việc xét xử.

12. Bất cứ khi nào một quốc gia thành viên theo pháp luật quốc gia được phép dẫn độ hoặc sẽ được giao nộp một công dân nước mình chỉ với điều kiện là người này sẽ được đưa trở lại nước mình để chấp hành hình phạt là kết quả của một phiên toà hay thủ tục tố tụng được thực hiện sau khi người này bị dẫn độ hay giao nộp và quốc gia thành viên đó và quốc gia thành viên yêu cầu dẫn độ cùng nhất trí với lựa chọn này cũng như với các điều khoản khác mà hai bên thấy phù hợp, việc dẫn độ hoặc giao nộp có điều kiện đó được coi là đủ để đáp ứng các nghĩa vụ nêu tại khoản 11 của Điều này.

13. Nếu yêu cầu dẫn độ để thi hành một bản án bị từ chối do đối tượng yêu cầu dẫn độ là công dân của quốc gia được yêu cầu, thì quốc gia thành viên được yêu cầu, nếu pháp luật nước mình cho phép và phù hợp với những yêu cầu của pháp luật nước mình sẽ xem xét việc thi hành bản án đã được tuyên theo pháp luật của quốc gia thành viên yêu cầu hoặc phần còn lại của bản án đó, trên cơ sở đề nghị của quốc gia thành viên yêu cầu.

14. Bất cứ người nào đang trong quá trình tố tụng vì có liên quan tới những tội phạm mà Điều này điều chỉnh đều được bảo đảm đối xử công bằng ở tất cả các quá trình tố tụng, được hưởng tất cả các quyền cùng các hình thức đảm bảo mà pháp luật của quốc gia nơi người đó đang có mặt quy định.

15. Không điều khoản nào trong Công ước này được hiểu là bắt buộc dẫn độ nếu quốc gia thành viên được yêu cầu dẫn độ có cơ sở đầy đủ để tin rằng yêu cầu dẫn độ đó nhằm mục đích truy tố hay trừng phạt một người vì lí do giới tính, chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, nguồn gốc sắc tộc hay quan điểm chính trị của người đó hoặc việc đáp ứng yêu cầu dẫn độ có thể gây tổn hại đến tình thế của người đó vì bất kỳ lí do nào nói trên.

16. Các quốc gia thành viên không được từ chối yêu cầu dẫn độ chỉ dựa trên lí do duy nhất là tội phạm đó cũng được coi là có liên quan đến các vấn đề tài chính.

17. Trước khi từ chối dẫn độ, quốc gia thành viên được yêu cầu khi thích hợp sẽ thảo luận với quốc gia thành viên yêu cầu để tạo điều kiện cho quốc gia thành viên yêu cầu trình bày quan điểm của mình và cung cấp thông tin về việc buộc tội đó.

18. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương và đa phương để thực hiện việc dẫn độ hoặc tăng cường hiệu quả dẫn độ.

Điều 45. Chuyển giao người bị kết án

Các quốc gia thành viên có thể cân nhắc việc ký kết các hiệp định hay thoả thuận song phương hoặc đa phương về việc chuyển giao đến lãnh thổ của mình những người bị kết án tù hoặc chịu các hình thức tước quyền tự do khác do đã phạm những tội được quy định trong Công ước này để họ có thể chấp hành xong bản án ở nơi chuyển đến.

Điều 46. Tương trợ pháp lý

1. Các quốc gia thành viên sẽ dành cho nhau sự hỗ trợ pháp lý tối đa liên quan đến điều tra, truy tố và xét xử những loại tội phạm được quy định trong Công ước này.

2. Tương trợ pháp lý được thực hiện ở mức độ cao nhất có thể theo các luật, điều ước, hiệp định và thoả thuận tương ứng của quốc gia thành viên được yêu cầu liên quan tới việc điều tra, truy tố và xét xử đối với các loại tội phạm mà một pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm ở quốc gia thành viên yêu cầu theo Điều 26 của Công ước này.

3. Yêu cầu tương trợ pháp lý theo điều khoản này có thể được đưa ra để thực hiện một trong các mục đích sau đây:

- (a) Lấy chứng cứ hoặc lời khai của người có liên quan;
- (b) Tổng đạt tài liệu tư pháp;
- (c) Tìm kiếm, tạm giữ và phong toả;
- (d) Khám nghiệm vật thể và hiện trường;
- (e) Cung cấp thông tin, chứng cứ và giám định;
- (f) Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực của tài liệu và hồ sơ, bao gồm cả hồ sơ của chính phủ, ngân hàng, tài chính, công ty hay doanh nghiệp;
- (g) Xác định hoặc truy tìm tiền phạm pháp, tài sản, công cụ hoặc những đồ vật khác để làm chứng cứ;
- (h) Tạo điều kiện thuận lợi cho sự có mặt tự nguyện của các cá nhân ở Quốc gia yêu cầu;
- (i) Các hình thức trợ giúp khác không trái với pháp luật của quốc gia được yêu cầu;
- (k) Xác minh, phong toả và truy tìm tài sản do phạm tội mà có theo các quy định tại Chương V của Công ước này;
- (l) Việc thu hồi tài sản theo các quy định tại Chương V của Công ước này.

4. Trên cơ sở không trái với pháp luật quốc gia, dù không có yêu cầu trước đó, các cơ quan chức năng của một quốc gia thành viên có thể chuyển thông tin liên quan đến tội phạm cho cơ quan chức năng của quốc gia khác nếu họ tin rằng thông tin đó có thể hỗ trợ cho cơ quan này tiến hành hay kết thúc thành công các cuộc điều tra và tố tụng hình sự hoặc rằng việc chuyển thông tin đó sẽ dẫn tới việc quốc gia khác đưa yêu cầu theo Công ước này.

5. Việc chuyển thông tin theo khoản 4 của Điều này không được gây ảnh hưởng đến quá trình điều tra và tố tụng hình sự ở quốc gia của các cơ quan chức năng cung cấp thông tin. Các cơ quan chức năng nhận thông tin phải tuân thủ yêu cầu về việc giữ bí mật thông tin, dù chỉ tạm thời, hoặc yêu cầu về việc hạn chế sử dụng. Tuy nhiên, điều này không cản trở quốc gia nhận thông tin tiết lộ thông tin này trong quá trình tố tụng để minh oan cho một người bị buộc tội. Trong trường hợp đó, quốc gia nhận thông tin sẽ thông báo cho quốc gia cung cấp thông tin trước khi thông tin được tiết lộ và nếu được yêu cầu thì sẽ trao đổi với quốc gia cung cấp thông tin. Trong trường hợp ngoại lệ, nếu không thể thông báo trước được, quốc gia nhận thông tin phải thông báo ngay cho quốc gia cung cấp thông tin về việc đã tiết lộ thông tin.

6. Các quy định ở Điều này không ảnh hưởng đến những nghĩa vụ được quy định ở bất kỳ điều ước song phương hay đa phương nào, điều chỉnh hoặc sẽ điều chỉnh, một phần hoặc toàn bộ hoạt động tương trợ pháp lý.

7. Các khoản từ 9 đến 29 của Điều này áp dụng đối với các yêu cầu được lập căn cứ theo Điều này nếu giữa các quốc gia hữu quan không có điều ước về tương trợ pháp lý. Nếu giữa các quốc gia đó có điều ước tương trợ pháp lý, các quy định tương ứng của điều ước đó sẽ được áp dụng trừ khi các quốc gia thành viên thoả thuận áp dụng các khoản từ 9 đến 29 của Điều này để thay thế. Khuyến khích mạnh mẽ các quốc gia thành viên áp dụng các khoản này nếu chúng tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác.

8. Các quốc gia thành viên sẽ không từ chối tương trợ pháp lý theo Điều này vì lý do đảm bảo bí mật ngân hàng.

9. (a) Một quốc gia thành viên, khi phúc đáp yêu cầu tương trợ theo Điều này trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hoá, sẽ cân nhắc đến các mục đích của Công ước này được quy định tại Điều 1;

(b) Các quốc gia thành viên có thể từ chối trợ giúp theo Điều này với lý do thiếu điều kiện cùng hình sự hoá. Tuy nhiên, quốc gia thành viên, khi phù hợp với các khái niệm cơ bản của pháp luật của mình sẽ phải trợ giúp nếu việc trợ giúp này không liên quan đến những hành vi mang tính cưỡng chế. Việc trợ giúp như vậy có thể bị từ chối khi yêu cầu có liên quan đến những vấn đề nhỏ nhặt hoặc các vấn đề mà việc hợp tác hoặc trợ giúp có thể được thực hiện theo các quy định khác của Công ước này;

(c) Mỗi quốc gia thành viên có thể xem xét áp dụng các biện pháp cần thiết để có thể mở rộng phạm vi trợ giúp theo Điều này trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hoá.

10. Người đang chịu hình phạt tù hoặc đang thi hành một bản án trên lãnh thổ của một quốc gia thành viên nhưng lại bị quốc gia thành viên khác yêu cầu có mặt vì mục đích nhận diện, điều trần, hoặc các mục đích khác để hỗ trợ việc thu thập chứng cứ cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm được Công ước này điều chỉnh, có thể bị chuyển giao nếu các điều kiện sau được đáp ứng:

(a) Người đó tự nguyện đồng ý sau khi đã biết có yêu cầu;

(b) Các cơ quan chức năng của cả hai quốc gia thành viên đồng ý, phụ thuộc vào các điều kiện mà các quốc gia thành viên này cho là phù hợp.

11. Vì mục đích của khoản 10 Điều này:

(a) Quốc gia thành viên mà người đó được chuyển đến có quyền và nghĩa vụ phải quản chế người được chuyển, trừ trường hợp có đề nghị hoặc cho phép khác từ Quốc gia thành viên mà người đó được chuyển đi;

(b) Quốc gia thành viên mà người đó được chuyển đến phải ngay lập tức thực hiện nghĩa vụ của mình trả người đó về sự quản chế của quốc gia thành viên mà từ đó người đó được chuyển đi theo thoả thuận trước đó hay thoả thuận khác giữa các cơ quan chức năng của cả hai quốc gia đã đồng ý trước đó, hoặc đã thoả thuận khác;

(c) Quốc gia thành viên mà người đó được chuyển đến không được yêu cầu Quốc gia chuyển người đó đi áp dụng thủ tục dẫn độ để đưa người đó trở về;

(d) Người bị chuyển giao phải được công nhận là đã thi hành bản án đang thi hành ở quốc gia thành viên chuyển đi cho thời gian bị giam ở quốc gia thành viên chuyển đến.

12. Người bị chuyển giao, bất kể mang quốc tịch gì, sẽ không bị truy tố, giam giữ, trừng phạt hoặc chịu bất cứ sự hạn chế về tự do cá nhân nào trong lãnh thổ của quốc gia chuyển đến vì những hành vi, bất hành động, hay bản án có từ trước khi người này rời khỏi lãnh thổ của quốc gia chuyển đi; trừ trường hợp quốc gia thành viên chuyển đi đồng ý căn cứ theo khoản 10 và 11 của Điều này.

13. Mỗi quốc gia thành viên sẽ chỉ định một cơ quan trung ương có trách nhiệm và quyền hạn tiếp nhận các yêu cầu về tương trợ pháp lý; thực hiện hoặc chuyển chúng đến các cơ quan chức năng khác để thực hiện. Trường hợp quốc gia thành viên có một vùng lãnh thổ đặc biệt với một

cơ chế thực hiện tương trợ pháp lý riêng biệt, thì có thể chỉ định một cơ quan trung ương riêng biệt có chức năng tương trợ cho vùng lãnh thổ đó. Các cơ quan trung ương phải đảm bảo thực hiện hoặc chuyển giao khẩn trương và đầy đủ các yêu cầu nhận được. Trường hợp cơ quan trung ương chuyên yêu cầu đến cơ quan chức năng để thực hiện, cơ quan trung ương phải khuyến khích thực hiện khẩn trương và đầy đủ yêu cầu đó. Tổng thư ký Liên hợp Quốc phải được thông báo về cơ quan trung ương được chỉ định cho mục đích này tại thời điểm mỗi bên gửi lưu văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước này. Các yêu cầu tương trợ pháp lý và mọi liên lạc có liên quan phải được chuyển đến các cơ quan trung ương mà các quốc gia thành viên chỉ định. Đòi hỏi này không vi phạm quyền của một quốc gia thành viên yêu cầu rằng những yêu cầu tương trợ pháp lý và liên lạc đó phải thông qua đường ngoại giao và, trong các trường hợp khẩn cấp, nếu các quốc gia thành viên đồng ý, thì qua Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế, nếu có thể.

14. Yêu cầu tương trợ pháp lý phải được lập thành văn bản hoặc, nếu có thể, bằng những cách có khả năng tạo ra văn bản, bằng ngôn ngữ mà quốc gia được yêu cầu chấp nhận, theo các điều kiện cho phép quốc gia thành viên đó xác minh được tính xác thực. Tổng thư ký Liên hợp Quốc phải được thông báo về ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ trong yêu cầu tương trợ pháp lý mà mỗi quốc gia thành viên có thể chấp nhận tại thời điểm mỗi bên gửi lưu văn kiện thông qua, chấp nhận, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này. Trong các trường hợp khẩn cấp và nếu các quốc gia thành viên đồng ý, các yêu cầu tương trợ pháp lý bằng miệng có thể được chấp nhận nhưng sau đó phải có xác nhận lại bằng văn bản.

15. Văn bản yêu cầu tương trợ pháp lý phải bao gồm:

- (a) Đặc trưng nhận biết của cơ quan đưa yêu cầu;
- (b) Đối tượng và bản chất của việc điều tra, truy tố hoặc xét xử liên quan đến yêu cầu và tên gọi, chức năng của cơ quan điều tra, truy tố hoặc xét xử;
- (c) Tóm tắt về những sự kiện liên quan, trừ trường hợp yêu cầu tương trợ pháp lý nhằm mục đích tổng đạt tài liệu tư pháp;
- (d) Miêu tả việc trợ giúp và nêu chi tiết về quy trình cụ thể mà Quốc gia yêu cầu muốn được thực hiện;
- (e) Nếu có thể, nêu đặc điểm nhận dạng, nơi ở và quốc tịch của người có liên quan; và
- (f) Mục đích của việc tìm kiếm chứng cứ, thông tin hay hành động.

16. Quốc gia thành viên được yêu cầu có thể đề nghị được cung cấp thêm thông tin nếu điều đó là cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu theo quy định của pháp luật nước mình hoặc nếu thông tin bổ sung đó giúp hỗ trợ việc thực hiện tương trợ.

17. Đơn yêu cầu phải sẽ thực hiện trên cơ sở phù hợp với pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu và, trong chừng mực không trái với pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu và khi có thể theo trình tự thủ tục nêu cụ thể trong đơn yêu cầu.

18. Bất cứ khi nào có thể và phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật quốc gia, khi một cá nhân đang ở trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên và cần phải trình bày ý kiến trước các cơ quan tư pháp của một quốc gia thành viên khác với tư cách là người làm chứng, hay chuyên gia, thì theo đề nghị của bên kia, quốc gia thành viên ban đầu có thể cho phép buổi trình bày được thực hiện qua hình thức trao đổi qua video nếu người có liên quan không thể hoặc muốn có mặt trên lãnh thổ của quốc gia yêu cầu. Các quốc gia thành viên có thể thống nhất rằng buổi trình bày sẽ

được tổ chức bởi cơ quan tư pháp của quốc gia thành viên yêu cầu với sự tham dự của một cơ quan tư pháp của quốc gia thành viên được yêu cầu.

19. Quốc gia yêu cầu không được chuyển giao hoặc sử dụng thông tin hay chứng cứ được cung cấp bởi quốc gia được yêu cầu cho việc điều tra, truy tố, xét xử khác với những việc đã nêu cụ thể trong đơn yêu cầu mà chưa có sự đồng ý trước của quốc gia được yêu cầu. Không có quy định nào trong khoản này ngăn cản việc quốc gia yêu cầu tiết lộ các thông tin hoặc chứng cứ minh oan cho một người bị kết tội trong quá trình tư pháp. Trong trường hợp vừa nêu, quốc gia yêu cầu phải thông báo quốc gia được yêu cầu biết trước khi tiết lộ và, nếu được yêu cầu thì sẽ thảo luận với quốc gia được yêu cầu về việc này. Nếu, trong trường hợp ngoại lệ, việc báo trước không thể thực hiện được, quốc gia yêu cầu phải thông báo ngay cho quốc gia được yêu cầu sau khi đã tiết lộ thông tin.

20. Quốc gia yêu cầu có thể đề nghị quốc gia được yêu cầu giữ bí mật tình tiết và nội dung của yêu cầu, trừ khi phải tiết lộ tới phạm vi cần thiết để thực hiện yêu cầu. Nếu quốc gia được yêu cầu không thể tuân theo đề nghị giữ bí mật này, thì phải nhanh chóng thông báo cho quốc gia yêu cầu biết.

21. Việc tương trợ pháp lý có thể bị từ chối:

(a) Nếu đơn yêu cầu được lập không đúng theo các quy định của điều này;

(b) Nếu quốc gia được yêu cầu nhận thấy việc thực hiện yêu cầu có khả năng xâm hại đến chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác;

(c) Nếu các cơ quan của quốc gia được yêu cầu bị pháp luật quốc gia ngăn cấm thực hiện việc được yêu cầu đối với bất cứ tội phạm tương tự nào, bởi tội phạm đó đã là đối tượng của việc điều tra, truy tố và xét xử trong phạm vi quyền hạn của chính các cơ quan này;

(d) Nếu việc chấp nhận yêu cầu tương trợ pháp lý của đơn yêu cầu này là trái với hệ thống pháp luật của quốc gia được yêu cầu.

22. Các quốc gia thành viên này không được từ chối yêu cầu tương trợ pháp lý chỉ vì lý do tội phạm cũng được coi là có liên quan đến các vấn đề tài chính.

23. Các lý do sẽ được đưa ra đối với bất kỳ sự từ chối tương trợ pháp lý nào.

24. Quốc gia được yêu cầu sẽ thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý ngay khi có thể và sẽ tính toán đầy đủ đến bất kỳ thời hạn nào do quốc gia yêu cầu đề xuất cũng như các lý do được đưa ra đối với thời hạn đó trước hết là các thời hạn nêu trong đơn yêu cầu. Quốc gia thành viên yêu cầu tương trợ pháp lý có thể đề nghị cung cấp thông tin về tình hình và tiến triển của các biện pháp mà quốc gia thành viên được yêu cầu áp dụng để thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý. Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ trả lời các đề nghị hợp lý của quốc gia thành viên yêu cầu về tình hình và tiến triển giải quyết đơn yêu cầu. Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ sớm thông báo cho quốc gia thành viên được yêu cầu khi sự trợ giúp không còn cần thiết nữa.

25. Tương trợ pháp lý có thể bị hoãn bởi quốc gia thành viên được yêu cầu, do việc đó cản trở một vụ việc đang được điều tra, truy tố, hoặc xét xử.

26. Trước khi từ chối một yêu cầu theo khoản 21 của Điều này hoặc hoãn việc thực hiện theo khoản 25 của Điều này, quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ trao đổi với quốc gia thành viên yêu cầu để xem xét liệu việc trợ giúp có thể được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện mà

mình cho là cần thiết. Nếu quốc gia yêu cầu chấp nhận việc trợ giúp theo các điều kiện nói trên thì phải tuân thủ các điều kiện này.

27. Không trái với việc áp dụng khoản 12 của Điều này, người làm chứng, chuyên gia hay người nào khác, theo yêu cầu của quốc gia yêu cầu, đồng ý đưa ra chứng cứ trong quá trình tố tụng hoặc đồng ý trợ giúp một cuộc điều tra, truy tố hay xét xử trên lãnh thổ của quốc gia yêu cầu sẽ không bị truy tố, giam giữ, trừng phạt hay phải chịu bất kỳ sự hạn chế nào về tự do cá nhân trên lãnh thổ đó vì việc hành động hay không hành động hoặc một bản án có trước khi người này rời khỏi lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu. Sự đảm bảo an toàn này sẽ chấm dứt khi người làm chứng, chuyên gia hay người khác dù đã có cơ hội trở về nước, trong khoảng thời gian là 15 ngày liên tục hay bất kỳ khoảng thời gian nào khác theo thoả thuận của các quốc gia thành viên kể từ khi người này được thông báo chính thức rằng sự có mặt của người này không còn cần thiết nữa đối với các cơ quan tư pháp, nhưng vẫn tự nguyện ở lại lãnh thổ của quốc gia thành viên yêu cầu hoặc đã rời đi nhưng sau đó lại quay lại theo ý nguyện của chính bản thân người này.

28. Các chi phí thông thường cho việc thực hiện một đơn yêu cầu sẽ do quốc gia thành viên được yêu cầu chịu, trừ khi các quốc gia thành viên có liên quan thoả thuận khác. Nếu đòi hỏi phải có các chi phí lớn hay đặc biệt để thực hiện được đơn yêu cầu, các quốc gia thành viên phải thương thuyết để quyết định các điều khoản và điều kiện mà theo đó đơn yêu cầu sẽ được thực hiện, cũng như cách thức chi phí.

29. Quốc gia thành viên được yêu cầu:

(a) sẽ cung cấp cho quốc gia thành viên yêu cầu bản sao của hồ sơ, tài liệu hay thông tin của Chính phủ mà theo pháp luật nước mình thì những hồ sơ, tài liệu hay thông tin này được công khai cho công chúng;

(b) theo ý chí của mình, có thể cung cấp cho quốc gia thành viên yêu cầu toàn bộ, một phần, hoặc với các điều kiện mà mình cho là thích hợp, bản sao của bất kỳ hồ sơ, tài liệu hay thông tin của Chính phủ nào mà theo pháp luật nước mình thì không thuộc diện được công khai cho công chúng.

30. Khi cần thiết, các quốc gia thành viên sẽ xem xét khả năng ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương phục vụ cho các mục đích của các quy định trong điều này hoặc đảm bảo hiệu lực thực tế cho các quy định trong điều này hoặc củng cố các quy định trong điều này.

Điều 47. Chuyển giao vụ án hình sự

Các quốc gia thành viên sẽ xem xét khả năng chuyển giao cho nhau vụ án hình sự nhằm truy tố một tội phạm được quy định theo Công ước này, nếu việc chuyển giao đó được coi là có lợi cho việc thi hành công lý, đặc biệt là trong các trường hợp liên quan đến quyền tài phán của nhiều nước, việc này nhằm mục đích làm cho việc truy tố được tập trung.

Điều 48. Hợp tác thực thi pháp luật

1. Các quốc gia thành viên sẽ hợp tác chặt chẽ với nhau, trên cơ sở tuân thủ hệ thống pháp luật và hành chính nước mình, để tăng cường hiệu quả của hoạt động thực thi pháp luật nhằm đấu tranh chống các tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này. Đặc biệt, mỗi quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp hiệu quả:

(a) Để tăng cường và, khi cần thiết, thành lập các kênh thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, ban ngành có thẩm quyền của các bên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi an toàn và nhanh

chống thông tin về tất cả các mặt của tội phạm mà Công ước này điều chỉnh, kể cả mối liên hệ với các tội phạm khác nếu các quốc gia có liên quan cho là phù hợp;

(b) Hợp tác với các quốc gia thành viên khác trong hoạt động điều tra các loại tội phạm được quy định theo Công ước này trên các nội dung:

(i) Đặc điểm nhận dạng, nơi ở và các hoạt động của người bị nghi ngờ có liên quan đến tội phạm đó, hoặc địa điểm của các cá nhân khác có liên quan;

(ii) Sự di chuyển của tài sản phạm tội hoặc tài sản có được từ việc thực hiện tội phạm đó;

(iii) Sự di chuyển của tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác được sử dụng hoặc sẽ sử dụng trong việc thực hiện tội phạm đó;

(c) Cung cấp, khi thích hợp, các loại và lượng vật chất cần thiết cho các mục đích phân tích hoặc điều tra;

(d) Để trao đổi với các quốc gia thành viên khác khi thích hợp thông tin về các phương tiện, thủ đoạn cụ thể được sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này, bao gồm cả việc sử dụng giấy tờ nhân thân giả, tài liệu giả bị làm, sửa chữa và các thủ đoạn che đậy khác;

(e) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, ban ngành có thẩm quyền của các bên, và để thúc đẩy việc trao đổi cán bộ và chuyên gia - theo các hiệp định hoặc thoả thuận song phương giữa các quốc gia có liên quan, kể cả việc bố trí các cán bộ liên lạc;

(f) Trao đổi thông tin và phối hợp thực hiện các biện pháp hành chính và các biện pháp khác khi phù hợp nhằm mục đích sớm nhận dạng được các tội phạm mà Công ước này quy định.

2. Để Công ước này có hiệu lực, các quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết vào các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương về hợp tác trực tiếp giữa các cơ quan thực thi pháp luật của các bên và, nếu đã có các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy thì sửa đổi chúng. Nếu chưa có các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy, các quốc gia thành viên có thể coi Công ước này là cơ sở cho hợp tác thực thi pháp luật đối với các loại tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này. Bất cứ khi nào thích hợp, các quốc gia thành viên tận dụng các hiệp định hoặc thoả thuận, kể cả các tổ chức quốc tế hoặc khu vực, để tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật của các bên.

3. Các quốc gia thành viên cố gắng hợp tác trong khả năng của mình để đối phó với các loại tội phạm quy định trong Công ước này thông qua việc sử dụng công nghệ hiện đại.

Điều 49. Điều tra chung (hỗn hợp)

Các quốc gia thành viên sẽ xem xét ký kết các hiệp định hay thoả thuận song phương hoặc đa phương để qua đó, đối với những vấn đề là đối tượng của quá trình điều tra, truy tố, hoặc xét xử ở một hay nhiều quốc gia thành viên, các cơ quan chức năng hữu quan có thể thành lập các cơ quan điều tra chung (hỗn hợp). Trong trường hợp không có các hiệp định hoặc thoả thuận đó, việc điều tra chung có thể được tiến hành theo thoả thuận về từng vụ việc một. Các quốc gia thành viên liên quan phải đảm bảo rằng chủ quyền của quốc gia thành viên nơi đang tiến hành việc điều tra như vậy phải được tôn trọng đầy đủ.

Điều 50. Kỹ thuật điều tra đặc biệt

1. Để chống tham nhũng có hiệu quả, trong phạm vi cho phép của các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật nước mình và theo các điều kiện được quy định trong pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi có thể nhằm cho phép các cơ quan chức năng sử dụng hình thức vận chuyển có kiểm soát và khi thích hợp sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt, chẳng hạn như giám sát điện tử hoặc các hình thức giám sát khác, hoạt động chìm, trong lãnh thổ nước mình để đảm bảo chứng cứ thu được từ việc áp dụng các kỹ thuật này được chấp nhận tại tòa án.

2. Với mục đích điều tra các tội phạm được quy định theo Công ước này, các quốc gia thành viên được khuyến khích ký kết, khi cần thiết, các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương phù hợp để sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt trên khi hợp tác ở cấp độ quốc tế. Các hiệp định hoặc thoả thuận này phải được ký kết và thực hiện trên cơ sở tuân thủ đầy đủ nguyên tắc bình đẳng chủ quyền quốc gia và các điều khoản của những hiệp định hoặc thoả thuận này phải được tuân thủ.

3. Trong trường hợp không có một hiệp định hoặc thoả thuận như đã nói tại khoản 2 của Điều này, việc sử dụng những kỹ thuật điều tra đặc biệt trên ở cấp độ quốc tế sẽ được quyết định trên cơ sở từng vụ việc một và khi cần thiết có thể tính đến các thoả thuận và bản ghi nhớ về tài chính đối với việc thực hiện quyền tài phán của những quốc gia thành viên liên quan.

4. Các quyết định về áp dụng biện pháp vận chuyển có kiểm soát ở cấp độ quốc tế có thể bao gồm các biện pháp như chặn đứng và cho phép hàng hoá được tiếp tục toàn vẹn, hoặc bị tháo dỡ hoặc thay thế toàn bộ hay một phần.

Chương V

THU HỒI TÀI SẢN

Điều 51. Quy định chung

Việc hoàn trả tài sản theo quy định tại chương này là nguyên tắc căn bản của Công ước này, và các quốc gia thành viên sẽ dành cho nhau sự hợp tác và trợ giúp tối đa trong vấn đề này.

Điều 52. Phòng ngừa và phát hiện việc chuyển tài sản do phạm tội mà có

1. Không trái với Điều 14 của Công ước này, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, căn cứ theo pháp luật quốc gia để yêu cầu các tổ chức tài chính, trong phạm vi quyền tài phán của mình, xác định và nhận dạng khách hàng, áp dụng các biện pháp hợp lý để xác định nhận dạng chủ sở hữu được hưởng lợi của các khoản tiền được gửi trong các tài khoản có giá trị lớn, và tổ chức kiểm tra kỹ các tài khoản được mở hay duy trì bởi hoặc nhân danh các cá nhân đang, hoặc đã từng giữ chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước, hay các thành viên trong gia đình hoặc cộng sự thân thiết của người này. Việc kiểm tra kỹ lưỡng phải được lập kế hoạch hợp lý để phát hiện các giao dịch đáng ngờ nhằm báo cáo các cơ quan có thẩm quyền và không được giải thích để ngăn cản hay ngăn cấm các tổ chức tài chính giao dịch với các khách hàng hợp pháp.

2. Để tạo thuận lợi thi hành các biện pháp quy định tại khoản 1 của Điều này, mỗi quốc gia thành viên, căn cứ vào pháp luật quốc gia và theo các sáng kiến tương ứng của các tổ chức chống rửa tiền của khu vực, liên khu vực và đa phương, sẽ:

(a) Đưa ra khuyến nghị về loại tự nhiên cá nhân hay pháp nhân mà đối với tài khoản của họ, các tổ chức tài chính trong phạm vi thẩm quyền của mình được yêu cầu xem xét kỹ lưỡng về loại tài

khoản và giao dịch cần được chú ý đặc biệt và về việc áp dụng các biện pháp mở, duy trì, lưu giữ thông tin thích hợp đối với các loại tài khoản và giao dịch này; và

(b) Nếu thích hợp, thông báo các tổ chức tài chính trong phạm vi thẩm quyền của mình, theo đề nghị của một quốc gia thành viên khác hoặc do mình khởi xướng, về nhận dạng của một tự nhiên cá nhân hoặc pháp nhân nào đó mà tài khoản của đối tượng này, ngoài các đối tượng mà chính các tổ chức tài chính đã nhận dạng, cần được xem xét kỹ lưỡng bởi các tổ chức tài chính.

3. Khi áp dụng khoản 2 (a) của Điều này, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp để đảm bảo rằng các tổ chức tài chính của mình duy trì một cách thích hợp việc lưu giữ thông tin, trong khoảng thời gian hợp lý, về các tài khoản và giao dịch liên quan đến các đối tượng được nhắc đến tại khoản 1 của Điều này, thông tin lưu giữ tối thiểu phải có thông tin nhận dạng của khách hàng và, tới chừng mực có thể, của chủ sở hữu được hưởng lợi.

4. Nhằm phòng ngừa và phát hiện việc chuyển tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này, mỗi quốc gia thành viên với sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý và giám sát của mình sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp và có hiệu quả nhằm phòng ngừa việc thành lập các ngân hàng không có sự hiện diện thực tế và không có quan hệ với nhóm tài chính đã được điều chỉnh. Thêm nữa, các quốc gia thành viên có thể xem xét việc yêu cầu các định chế tài chính của mình từ chối tham gia hoặc từ chối duy trì quan hệ ngân hàng với các tổ chức như vậy, đồng thời từ chối thiết lập quan hệ với các tổ chức tài chính nước ngoài mà tài khoản của họ có thể được sử dụng bởi các ngân hàng không có sự hiện diện thực tế và không có quan hệ với nhóm tài chính được điều chỉnh.

5. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc thiết lập, căn cứ vào pháp luật quốc gia, hệ thống công khai tài chính hiệu quả đối với nhóm công chức nhất định, và quy định chế tài thích hợp đối với việc không chấp hành. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét tiến hành các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền chia sẻ những thông tin này với các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên khác khi cần để điều tra, đòi và thu hồi những tài sản có được do phạm những tội quy định trong Công ước này.

6. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp cần thiết, căn cứ theo pháp luật quốc gia, để yêu cầu nhóm công chức nhất định có lợi ích, có chữ ký hoặc có quyền đối với một tài khoản ở nước ngoài, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền về mối quan hệ với tài khoản đó và duy trì những hồ sơ tin thích hợp liên quan đến các tài khoản như vậy. Các biện pháp này phải bao gồm chế tài đối với việc không chấp hành.

Điều 53. Các biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp

Mỗi Quốc gia thành viên, căn cứ vào pháp luật quốc gia, sẽ:

(a) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép quốc gia thành viên khác khởi kiện vụ án dân sự tại toà án để xác định quyền hay quyền sở hữu đối với tài sản có được qua việc thực hiện các tội được quy định trong Công ước này;

(b) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép toà án của mình yêu cầu người thực hiện tội phạm được quy định trong Công ước này phải bồi thường, đền bù cho quốc gia thành viên khác đã chịu thiệt hại từ tội phạm đó; và

(c) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép toà án hay các cơ quan chức năng của mình khi ra quyết định tịch thu công nhận quốc gia thành viên có yêu cầu là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản có được do phạm tội được quy định trong Công ước này.

Điều 54. Các cơ chế thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế trong việc tịch thu

1. Để tương trợ tư pháp theo Điều 55 của Công ước này liên quan đến tài sản có được do phạm tội hay liên quan đến tội phạm được quy định theo Công ước này, căn cứ theo pháp luật nước mình mỗi quốc gia thành viên sẽ:

(a) tiến hành các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền công nhận hiệu lực thi hành đối với lệnh tịch thu được đưa ra bởi quốc gia thành viên khác;

(b) tiến hành các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền, trong phạm vi quyền tài phán, ra lệnh tịch thu tài sản có nguồn gốc nước ngoài theo phán quyết đối với tội phạm rửa tiền hoặc các tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của các cơ quan này, hay theo các thủ tục khác được quy định trong pháp luật nước mình;

(c) Xem xét tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép tịch thu tài sản mà chưa có bản án hình sự trong trường hợp không thể truy tố người vi phạm vì lý do người này đã chết, lẩn trốn hoặc vắng mặt, hoặc trong các trường hợp thích hợp khác.

2. Mỗi quốc gia thành viên, để tương trợ pháp lý theo yêu cầu được lập theo khoản 2 của Điều 55 của Công ước này, căn cứ các nguyên tắc của pháp luật quốc gia, sẽ:

(a) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép các cơ quan có thẩm quyền phong toả hoặc tạm giữ tài sản dựa trên một lệnh phong toả hoặc tạm giữ được ban hành bởi một toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên yêu cầu trong đó đưa ra những căn cứ hợp lý để quốc gia thành viên được yêu cầu tin rằng đã có đủ căn cứ áp dụng các biện pháp này, và rằng tài sản đó sẽ chịu lệnh tịch thu theo khoản 1 (a) của Điều này;

(b) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép các cơ quan có thẩm quyền phong toả hoặc tạm giữ tài sản dựa trên một đề nghị trong đó đưa ra những căn cứ hợp lý để quốc gia thành viên được yêu cầu tin rằng đã có đủ căn cứ áp dụng các biện pháp này, và rằng tài sản đó sẽ chịu lệnh tịch thu theo khoản 1 (a) của Điều này; và

(c) Xem xét tiến hành các biện pháp bổ sung để cho phép các cơ quan có thẩm quyền bảo quản tài sản để tịch thu, chẳng hạn dựa trên cơ sở việc bắt giữ hoặc buộc tội hình sự có yếu tố nước ngoài liên quan đến việc tịch thu những tài sản này.

Điều 55. Hợp tác quốc tế vì mục đích tịch thu

1. Một quốc gia thành viên nhận được yêu cầu từ một quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với một tội phạm được quy định trong Công ước này về việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác nói tại khoản 1, Điều 31 của Công ước này đang có trên lãnh thổ của mình, trong phạm vi rộng nhất có thể mà pháp luật quốc gia của mình cho phép, sẽ:

(a) Trình yêu cầu lên các cơ quan chức năng của mình để xin cấp lệnh tịch thu và, nếu lệnh tịch thu đó được cấp thì thi hành nó; hoặc

(b) Trình các cơ quan chức năng của mình, với mục đích thực hiện trong phạm vi được yêu cầu, một lệnh tịch thu do một toà án trong lãnh thổ của quốc gia thành viên yêu cầu ban hành căn cứ vào khoản 1, Điều 31 và khoản 1 (a) Điều 54 của Công ước này ở chừng mực lệnh đó liên quan đến tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác nói tại khoản 1, Điều 31 của Công ước này đang có trên lãnh thổ của quốc gia thành viên được yêu cầu.

2. Theo văn bản yêu cầu của một quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với một tội phạm được quy định theo Công ước này, quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp để nhận dạng, truy tìm và phong tỏa hay tạm giữ tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác nói tại khoản 1, Điều 31 của Công ước này với mục đích cuối cùng là tịch thu theo lệnh của Quốc gia thành viên yêu cầu hoặc của quốc gia thành viên được yêu cầu căn cứ vào đơn yêu cầu theo khoản 1 của Điều này.

3. Các quy định tại Điều 46 của Công ước này được áp dụng đối với Điều này với những sửa đổi cần thiết. Ngoài những thông tin được nêu tại khoản 15, Điều 46, yêu cầu theo Điều này sẽ bao gồm:

(a) Miêu tả về tài sản cần tịch thu, bao gồm, trong phạm vi có thể, địa điểm và, nếu thích hợp, giá trị ước lượng của tài sản và bản trình bày về những tình tiết được quốc gia thành viên yêu cầu dựa vào đủ để quốc gia thành viên được yêu cầu đòi hỏi lệnh tịch thu theo pháp luật quốc gia của mình trong trường hợp văn bản yêu cầu theo khoản 1 (a) của Điều này;

(b) Một bản sao chấp nhận được về mặt pháp lý của lệnh tịch thu, là cơ sở cho yêu cầu được ban hành bởi quốc gia thành viên yêu cầu, bản trình bày về những tình tiết và thông tin ở phạm vi mà việc thi hành lệnh đó đòi hỏi, bản trình bày về các biện pháp mà quốc gia thành viên yêu cầu đưa ra để cung cấp thông tin phù hợp cho các bên thứ ba ngay tình đồng thời để đảm bảo quy trình đúng đắn, và một tuyên bố rằng lệnh tịch thu là lệnh cuối cùng trong trường hợp văn bản yêu cầu theo khoản 1 (b) của Điều này;

(c) Bản trình bày về những tình tiết được quốc gia thành viên yêu cầu dựa vào và miêu tả về các công việc được yêu cầu và, nếu được, một bản sao chấp nhận được về mặt pháp lý của lệnh làm căn cứ cho yêu cầu trong trường hợp văn bản yêu cầu theo khoản 2 của Điều này.

4. Các quyết định hay công việc được quy định trong các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ được quốc gia thành viên được yêu cầu thực hiện theo và phù hợp với các quy định trong pháp luật quốc gia và các quy tắc về thủ tục của quốc gia thành viên này hay theo một hiệp định hay thỏa thuận song phương hay đa phương bất kỳ mà quốc gia thành viên này bị ràng buộc trong quan hệ với quốc gia thành viên yêu cầu.

5. Mỗi quốc gia thành viên sẽ cung cấp bản sao các đạo luật và quy định để thực hiện Điều này và bản sao các sửa đổi sau đó của các đạo luật và quy định nói trên hoặc bản trình bày về các văn bản này cho Tổng Thư ký Liên hợp Quốc.

6. Nếu một quốc gia thành viên quyết định áp dụng các biện pháp được nói tại các khoản 1 và 2 của Điều này phụ thuộc vào việc có một điều ước liên quan, Quốc gia thành viên đó sẽ coi Công ước này là cơ sở pháp lý cần và đủ.

7. Việc hợp tác theo Điều này có thể bị từ chối hoặc các biện pháp tạm thời có thể bị hủy bỏ nếu quốc gia được yêu cầu không nhận được chứng cứ một cách đầy đủ và đúng thời hạn hoặc nếu giá trị của tài sản là không đáng kể.

8. Trước khi hủy bỏ các biện pháp tạm thời theo Điều này khi có thể, Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ tạo cho quốc gia thành viên yêu cầu cơ hội trình bày lý do nên tiếp tục áp dụng các biện pháp này.

9. Các quy định của Điều này không được giải thích theo cách làm xâm hại đến quyền của các bên thứ ba ngay tình.

Điều 56. Hợp tác đặc biệt

Không phương hại đến pháp luật quốc gia của mình, mỗi quốc gia thành viên cố gắng áp dụng các biện pháp không ảnh hưởng đến công tác điều tra của việc truy tố và xét xử của chính quốc gia đó để có thể chuyển cho quốc gia thành viên khác thông tin về tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này mà không cần phải có đề nghị trước, khi xét thấy thông tin tiết lộ có thể giúp quốc gia thành viên nhận tin khởi xướng hoặc tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, hoặc có thể dẫn đến việc quốc gia thành viên đó đưa ra yêu cầu theo quy định tại Chương này.

Điều 57. Trả lại và định đoạt tài sản

1. Tài sản bị tịch thu bởi một quốc gia thành viên căn cứ theo Điều 31 hoặc Điều 55 của Công ước này sẽ được quốc gia thành viên đó định đoạt, kể cả trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp trước đó theo khoản 3 của Điều này theo quy định của Công ước này và pháp luật quốc gia của mình.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia, để cho phép các cơ quan có thẩm quyền của mình trả lại tài sản bị tịch thu, khi hành động theo yêu cầu của quốc gia thành viên khác, căn cứ theo quy định của Công ước này, có tính đến quyền của các bên thứ ba ngay tình.

1. Căn cứ theo các Điều 46 và 55 của Công ước này và các khoản 1 và 2 của Điều này, Quốc gia được yêu cầu sẽ:

(a) Đối với trường hợp biển thủ công quỹ hoặc rửa tiền biển thủ từ công quỹ nêu tại Điều 17 và Điều 23 của Công ước này, khi việc tịch thu được tiến hành theo Điều 55 và căn cứ vào phán quyết cuối cùng ở quốc gia yêu cầu – một điều kiện mà quốc gia được yêu cầu có thể cho miễn – trả lại tài sản bị tịch thu cho quốc gia yêu cầu.

(b) Đối với trường hợp tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này, khi việc tịch thu được tiến hành theo Điều 55 của Công ước này và căn cứ vào phán quyết cuối cùng ở quốc gia yêu cầu – một điều kiện mà quốc gia được yêu cầu có thể cho miễn – trả lại tài sản bị tịch thu cho quốc gia yêu cầu, khi quốc gia yêu cầu chứng minh được một cách hợp lý với quốc gia được yêu cầu về quyền sở hữu trước đó của mình đối với tài sản bị tịch thu hoặc khi quốc gia được yêu cầu công nhận thiệt hại đối với quốc gia yêu cầu là căn cứ để trả lại tài sản bị tịch thu;

(c) Trong mọi trường hợp khác, trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp trước đó hoặc bồi thường cho nạn nhân của tội phạm, có ưu tiên việc trả lại tài sản bị tịch thu cho Quốc gia thành viên yêu cầu.

2. Khi thích hợp, trừ trường hợp các quốc gia thành viên quyết định khác, quốc gia được yêu cầu có thể khấu trừ các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử để dẫn đến việc trả lại hay định đoạt tài sản bị tịch thu theo Điều này.

3. Khi thích hợp, các quốc gia thành viên cũng có thể đặc biệt xem xét việc ký kết hiệp định hoặc thoả thuận mà các bên chấp nhận được, dựa trên từng vụ việc, để đưa ra quyết định xử lý cuối cùng đối với tài sản bị tịch thu.

Điều 58. Đơn vị tình báo tài chính

Các quốc gia thành viên sẽ hợp tác với nhau để phòng và chống việc chuyển tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này và thúc đẩy cách thức và biện pháp nhằm thu hồi các tài sản này. Để đạt được các mục đích này, các quốc gia thành viên sẽ xem xét việc thành lập đơn vị tình báo tài chính có trách nhiệm nhận, phân tích, và chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền báo cáo về các giao dịch tài chính đáng ngờ.

Điều 59. Thỏa thuận và dàn xếp song phương và đa phương

Các quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết các thỏa thuận hoặc dàn xếp song phương hoặc đa phương nhằm nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế theo quy định tại Chương này của Công ước.

Chương VI

HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Điều 60. Đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật

1. Mỗi Quốc gia thành viên trong chừng mực cần thiết, khởi xướng, phát triển hoặc tăng cường các chương trình đào tạo cụ thể đối với đội ngũ cán bộ chịu trách nhiệm về phòng, chống tham nhũng của nước mình. Những chương trình đào tạo đó bao gồm các khía cạnh sau:

- (a) Các biện pháp hữu hiệu phòng ngừa, phát hiện, điều tra, trừng phạt và kiểm soát tham nhũng, trong đó có sử dụng các biện pháp điều tra và thu thập chứng cứ;
- (b) Xây dựng năng lực trong quá trình xây dựng và hoạch định chính sách chống tham nhũng mang tính chiến lược;
- (c) Đào tạo các cơ quan chức năng khi chuẩn bị các yêu cầu tương trợ pháp lý đáp ứng được những yêu cầu của Công ước này;
- (d) Đánh giá và củng cố các thể chế, hoạt động quản lý dịch vụ công và quản lý tài chính công trong đó có mua sắm công, và khu vực tư nhân;
- (e) Phòng và chống việc chuyển giao tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này và thu hồi tài sản đó;
- (f) Phát hiện và phong tỏa việc chuyển giao tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này;
- (g) Giám sát việc di chuyển tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này; các biện pháp chuyển giao, che giấu, ngụy trang các tài sản đó;
- (h) Có các biện pháp và cơ chế hành chính, pháp lý thích hợp và hữu hiệu nhằm hỗ trợ việc hoàn trả tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này;
- (i) Các biện pháp bảo vệ nạn nhân và người làm chứng – những người hợp tác với các cơ quan tư pháp; và
- (j) Đào tạo về các quy định quốc gia, quốc tế và về ngôn ngữ.

2. Các Quốc gia thành viên, tùy vào khả năng của mình, sẽ xem xét dành cho nhau sự hỗ trợ kỹ thuật tối đa, đặc biệt vì lợi ích của các nước đang phát triển, theo kế hoạch và chương trình chống tham nhũng của mỗi nước này, bao gồm hỗ trợ vật chất và đào tạo trên các lĩnh vực nói tại khoản 1 của Điều này, cũng như đào tạo và trợ giúp; và trao đổi với nhau về kinh nghiệm và kiến thức chuyên ngành, giúp tăng cường hợp tác quốc tế giữa các Quốc gia thành viên trong lĩnh vực dẫn độ và tương trợ pháp lý.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ tăng cường, tới chừng mực có thể, các nỗ lực để tối đa hóa các hoạt động thực tế và đào tạo trong các tổ chức khu vực và quốc tế và trong khuôn khổ các hiệp định và thỏa thuận song phương và đa phương.

4. Các Quốc gia thành viên xem xét hỗ trợ nhau, nếu có yêu cầu, trong việc đánh giá, học tập và nghiên cứu về loại hình, nguyên nhân, tác động của tham nhũng và những tổn thất do tham nhũng gây ra ở nước mình, nhằm phát triển các chiến lược và chương trình hành động chống tham nhũng có sự tham gia của các cơ quan chức năng và của xã hội.

5. Nhằm hỗ trợ cho việc thu hồi tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này, các Quốc gia thành viên có thể hợp tác cung cấp cho nhau tên của những chuyên gia có thể hỗ trợ cho việc đạt được mục tiêu trên.

6. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét sử dụng các cuộc hội nghị và hội thảo tiểu khu vực, khu vực và quốc tế để tăng cường hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật và đẩy mạnh thảo luận về những vấn đề cùng quan tâm, trong đó có những vấn đề và nhu cầu đặc biệt của các nước đang phát triển và những nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi.

7. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét thiết lập các cơ chế tự nguyện nhằm đóng góp tài chính cho nỗ lực áp dụng Công ước này của các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi thông qua các chương trình và dự án hỗ trợ kỹ thuật.

8. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét đóng góp tự nguyện cho Trung tâm Phòng ngừa Tội phạm quốc tế nhằm mục đích thông qua Trung tâm này đẩy mạnh các chương trình và dự án ở các nước đang phát triển nhằm thực thi Công ước này.

Điều 61. Thu thập, trao đổi và phân tích thông tin về tham nhũng

1. Mỗi Quốc gia thành viên, trên cơ sở tham khảo ý kiến với đội ngũ chuyên gia, sẽ xem xét phân tích các xu hướng tham nhũng trong lãnh thổ nước mình cũng như phân tích hoàn cảnh xảy ra tham nhũng.

2. Các Quốc gia thành viên xem xét phát triển và chia sẻ số liệu về tham nhũng, đội ngũ chuyên gia phân tích thông tin và tham nhũng (với nhau hay thông qua các tổ chức quốc tế và khu vực), nhằm mục đích phát triển trong chừng mực có thể những định nghĩa, chuẩn mực hay phương pháp luận chung đồng thời chia sẻ thông tin về những thực tiễn phòng chống tham nhũng tốt.

3. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét điều tiết chính sách và các biện pháp thực chống tham nhũng của mình, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của chúng.

Điều 62. Các biện pháp khác: thực hiện Công ước thông qua phát triển kinh tế và hỗ trợ kỹ thuật

1. Các Quốc gia thành viên, trong chừng mực có thể, sẽ áp dụng các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện tối đa Công ước này thông qua hợp tác quốc tế, có tính đến những tác động tiêu cực của tham nhũng đối với xã hội nói chung và đối với phát triển bền vững nói riêng.

2. Các Quốc gia thành viên phải có những nỗ lực cụ thể, trong chừng mực có thể và trên cơ sở phối hợp với nhau, và với các tổ chức khu vực và quốc tế:

(a) Nhằm tăng cường hợp tác ở các mức độ khác nhau với các nước đang phát triển, để giúp các nước này tăng cường năng lực phòng và chống tham nhũng;

(b) Nhằm tăng cường trợ giúp vật chất và tài chính để hỗ trợ các nước đang phát triển phòng và chống tham nhũng hiệu quả và giúp họ thực hiện Công ước này thành công;

(c) Nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, giúp họ đáp ứng được những yêu cầu về thực hiện Công ước này. Để đạt được mục

đích này, các Quốc gia thành viên phải nỗ lực đóng góp tự nguyện đều đặn và thích đáng vào một tài khoản được lập đặc biệt cho mục đích này trong một cơ chế tài trợ của Liên hợp quốc. Các quốc gia thành viên cũng có thể, trên cơ sở tuân thủ pháp luật nước mình và các điều khoản của Công ước này, đặc biệt cân nhắc việc đóng góp vào tài khoản đó một tỷ lệ phần trăm của số tiền hoặc giá trị tài sản phạm tội tương đương của tài sản do phạm tội mà có hoặc tài sản bị tịch thu theo quy định của Công ước này.

(d) Nhằm khuyến khích và thuyết phục các Quốc gia và các tổ chức tài chính khác cùng tham gia những nỗ lực theo quy định của Điều này, cụ thể bằng việc cung cấp nhiều hơn nữa các chương trình đào tạo và thiết bị hiện đại cho các nước đang phát triển nhằm hỗ trợ các nước này đạt được những mục tiêu của Công ước này.

3. Trong chừng mực có thể, các biện pháp này không được gây ảnh hưởng tới những cam kết trợ giúp quốc tế hiện có hoặc tới các thỏa thuận hợp tác tài chính khác ở cấp độ song phương, khu vực và quốc tế.

4. Các Quốc gia thành viên có thể ký kết các hiệp định, thỏa thuận song phương hoặc đa phương về trợ giúp vật chất và hậu cần, có tính đến các thỏa thuận tài chính cần thiết để đảm bảo cho các biện pháp hợp tác quốc tế mà Công ước này quy định có hiệu quả và nhằm phòng ngừa, phát hiện và kiểm soát tham nhũng.

Chương VII

CÁC CƠ CHẾ THI HÀNH CÔNG ƯỚC

Điều 63. Hội nghị các Quốc gia thành viên

1. Hội nghị các Quốc gia thành viên được thành lập để tăng cường năng lực và hợp tác giữa các Quốc gia thành viên nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong Công ước này và nhằm thúc đẩy và kiểm tra việc thi hành Công ước.

2. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ triệu tập Hội nghị các Quốc gia thành viên không muộn hơn một năm kể khi Công ước này có hiệu lực. Sau đó, các cuộc họp thường kỳ của Hội nghị các Quốc gia thành viên được tổ chức theo quy tắc về thủ tục do Hội nghị ban hành.

3. Hội nghị các Quốc gia thành viên sẽ thông qua quy tắc về thủ tục và quy tắc về quản lý các chức năng hoạt động được đưa ra tại Điều này, bao gồm cả điều lệ gia nhập và chấp thuận tham gia của các quan sát viên, cũng như về việc chi trả cho các chi phí phát sinh từ việc tiến hành các hoạt động này.

4. Hội nghị các Quốc gia thành viên thống nhất các hoạt động, thủ tục và phương pháp làm việc để đạt được mục tiêu đặt ra trong khoản 1 Điều này, bao gồm:

(a) Tạo thuận lợi cho các hoạt động của các Quốc gia thành viên theo Điều 60 và 62 và các chương từ Chương II đến Chương V của Công ước này, kể cả việc khuyến khích huy động các khoản đóng góp tự nguyện;

(b) Tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa các Quốc gia thành viên về hình thức và xu hướng tham nhũng và về các thực tiễn thành công trong phòng và chống tham nhũng và các thực tiễn thành công trong việc trả tiền do phạm tội mà có, trong đó có việc thông qua, xuất bản thông tin có liên quan được nhắc đến tại Điều này;

(c) Hợp tác với các tổ chức và cơ chế quốc tế và khu vực, các tổ chức phi chính phủ có liên quan;

(d) Sử dụng thích hợp các thông tin có liên quan được cung cấp bởi các cơ chế khu vực và quốc tế khác để phòng và chống tham nhũng nhằm tránh sự chông chéo trong công việc;

(e) Định kỳ xem xét các Quốc gia thành viên thực hiện Công ước này ;

(f) Đề xuất việc củng cố Công ước này, và việc thực hiện Công ước;

(g) Ghi nhận các yêu cầu trợ giúp kỹ thuật của các Quốc gia thành viên liên quan đến việc thực hiện Công ước này và khuyến nghị hành động mà Hội nghị cho là cần thiết vì vấn đề này.

5. Để thực hiện khoản 4 của Điều này, Hội nghị các Quốc gia thành viên cần có được hiểu thông tin cần thiết về các biện pháp mà các Quốc gia thành viên áp dụng để thực hiện Công ước này và những khó khăn mà các Quốc gia thành viên gặp phải trong việc thực hiện thông qua thông tin do các Quốc gia thành viên cung cấp và thông qua các cơ chế xem xét bổ sung có thể được thành lập bởi Hội nghị các Quốc gia thành viên.

6. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Hội nghị các Quốc gia thành viên thông tin về các chương trình, kế hoạch và thực tiễn, cũng như thông tin về các biện pháp lập pháp và hành chính để thi hành Công ước này theo yêu cầu của Hội nghị các Quốc gia thành viên. Hội nghị các Quốc gia thành viên sẽ xem xét cách thức hiệu quả nhất để tiếp nhận và hành động dựa trên thông tin được cung cấp, bao gồm cả thông tin nhận được từ các Quốc gia thành viên và các tổ chức quốc tế có liên quan. Thông tin nhận được từ các tổ chức phi chính phủ có liên quan được công nhận hợp lệ theo quy trình do Hội nghị các Quốc gia thành viên quy định cũng có thể được xem xét.

7. Căn cứ vào các khoản từ 4 đến 6 của Điều này, Hội nghị các Quốc gia thành viên thành lập, nếu Hội nghị cho là cần thiết, bất kỳ cơ chế hay cơ quan thích hợp nào để trợ giúp việc thi hành Công ước này một cách có hiệu quả.

Điều 64. Ban thư ký

1. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ bảo đảm về công tác thư ký cho Hội nghị các Quốc gia thành viên này.

2. Ban thư ký sẽ:

(a) Trợ giúp Hội nghị các Quốc gia thành viên tiến hành các hoạt động được quy định tại Điều 63 của Công ước này và chuẩn bị công tác phục vụ cho các kỳ họp của Hội nghị các Quốc gia thành viên;

(b) Theo yêu cầu, giúp các Quốc gia thành viên cung cấp thông tin cho Hội nghị các Quốc gia thành viên như được quy định tại các khoản 5 và 6, Điều 63 của Công ước này;

(c) Bảo đảm sự phối hợp cần thiết với ban thư ký của các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan.

Chương VIII

CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 65. Thực hiện Công ước

1. Các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, kể cả các biện pháp lập pháp và hành chính, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia của mình, để thi hành các nghĩa vụ của mình theo Công ước:

2. Mỗi quốc gia thành viên có thể áp dụng các biện pháp chặt chẽ và nghiêm khắc hơn so với các biện pháp được quy định trong Công ước này nhằm phòng, chống tham nhũng.

Điều 66. Giải quyết tranh chấp

1. Các quốc gia thành viên phải cố gắng giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này thông qua thương lượng.

2. Tranh chấp giữa hai hay nhiều quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước này mà không giải quyết được thông qua thương lượng trong một thời hạn hợp lý, thì theo yêu cầu của một trong các quốc gia thành viên đó, sẽ được đưa ra trọng tài phân xử. Nếu sau 6 tháng kể từ ngày có yêu cầu đưa tranh chấp ra trọng tài mà các quốc gia đó không thể thoả thuận được về tổ chức trọng tài, thì bất kỳ quốc gia nào trong số các quốc gia tranh chấp đều có thể đưa vụ tranh chấp ra Toà án công lý quốc tế theo quy chế của Toà án này.

3. Mỗi quốc gia thành viên, tại thời điểm ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước này, có thể tuyên bố là mình không bị ràng buộc bởi khoản 2 của Điều này. Các quốc gia thành viên khác sẽ không bị ràng buộc bởi khoản 2 của Điều này đối với các quốc gia đã đưa ra bảo lưu nói trên.

4. Quốc gia thành viên đã đưa ra bảo lưu theo khoản 3 của Điều này có thể rút bảo lưu đó bất cứ thời điểm nào bằng việc thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 67. Ký, phê chuẩn, chấp nhận, phê duyệt và gia nhập

1. Công ước này sẽ được mở cho tất cả các quốc gia ký từ ngày 9 đến ngày 11 tháng 12 năm 2003 tại Merida, Mê-hi-cô, và sau đó tại Trụ sở của Liên hợp quốc ở New York đến ngày 9 tháng 12 năm 2005.

2. Công ước này cũng sẽ được mở cho các tổ chức liên kết kinh tế khu vực ký với điều kiện là có ít nhất một quốc gia thành viên của tổ chức đó đã ký Công ước này theo khoản 1 của Điều này.

3. Công ước này được phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt. Văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt phải được gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Tổ chức liên kết kinh tế khu vực có thể nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt của mình nếu có ít nhất một quốc gia thành viên của tổ chức đó đã nộp văn kiện đó. Trong văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt đó, tổ chức này sẽ tuyên bố về phạm vi thẩm quyền của mình liên quan đến các vấn đề mà Công ước điều chỉnh. Tổ chức nói trên cũng sẽ thông báo cho cơ quan lưu chiếu về bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến phạm vi thẩm quyền của mình.

4. Công ước này được mở cho tất cả các quốc gia và các tổ chức liên kết kinh tế khu vực gia nhập, có ít nhất một quốc gia thành viên của tổ chức nói trên là thành viên của Công ước này. Văn kiện gia nhập sẽ được Tổng thư ký Liên hợp quốc lưu chiếu. Vào thời điểm gia nhập, tổ chức liên kết kinh tế khu vực phải tuyên bố về phạm vi thẩm quyền của mình liên quan đến các vấn đề mà Công ước điều chỉnh. Tổ chức nói trên cũng phải thông báo cho cơ quan lưu chiếu về bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến phạm vi thẩm quyền của mình.

Điều 68. Hiệu lực

1. Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 90 sau ngày 30 văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập được lưu chiếu. Vì mục đích của khoản này, văn kiện được nộp bởi tổ chức liên kết kinh tế khu vực sẽ không được tính để bổ sung cho các văn kiện do các quốc gia thành viên của tổ chức đó đã nộp

2. Đối với những quốc gia và tổ chức liên kết kinh tế khu vực phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập Công ước này sau khi có 30 văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập được lưu chiếu, thì Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau ngày quốc gia hay tổ chức đó nộp văn kiện liên quan hoặc vào ngày Công ước này có hiệu lực theo khoản 1 của Điều này, tùy thuộc vào ngày nào muộn hơn.

Điều 69. Sửa đổi

1. Sau khi hết 5 năm kể từ ngày Công ước này có hiệu lực, một quốc gia thành viên có thể đề nghị sửa đổi và chuyển đề nghị này cho Tổng thư ký Liên hợp quốc, và sau đó Tổng thư ký sẽ thông báo đề nghị sửa đổi cho các quốc gia thành viên và Hội nghị các quốc gia thành viên để xem xét và quyết định về đề nghị đó. Hội nghị các quốc gia thành viên phải nỗ lực để đạt được sự đồng thuận về mỗi đề nghị sửa đổi. Nếu mọi nỗ lực để đạt sự đồng thuận đã được thực hiện nhưng vẫn không đạt được sự đồng thuận về đề nghị sửa đổi, thì đề nghị sửa đổi được thông qua cần phải được sự đồng ý của ít nhất 2/3 tất cả các quốc gia thành viên có mặt và bỏ phiếu tại phiên họp của Hội nghị các quốc gia thành viên.

2. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực, liên quan đến các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của mình, phải thực hiện quyền bỏ phiếu theo Điều này với số lượng phiếu bằng số lượng các quốc gia thành viên của các tổ chức đó là quốc gia thành viên này. Các tổ chức nói trên không được thực hiện quyền bỏ phiếu của mình nếu các quốc gia thành viên của chúng thực hiện các quyền này hoặc ngược lại.

3. Bất kỳ sửa đổi nào được thông qua theo khoản 1 của Điều này cần được các quốc gia thành viên phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt.

4. Việc sửa đổi được thông qua theo khoản 1 của Điều này sẽ có hiệu lực đối với quốc gia thành viên vào ngày thứ 90 sau ngày nộp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt sửa đổi đó.

5. Khi sửa đổi có hiệu lực, nó sẽ ràng buộc đối với những quốc gia thành viên đã thể hiện sự đồng ý của mình về sự ràng buộc đó. Các quốc gia thành viên khác vẫn phải bị ràng buộc bởi các quy định của Công ước này và các sửa đổi trước đó mà các quốc gia này đã phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt.

Điều 70. Bãi bỏ Công ước

1. Quốc gia thành viên có thể bãi bỏ Công ước này bằng một thông báo bằng văn bản gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Việc bãi bỏ sẽ có hiệu lực một năm sau ngày Tổng thư ký nhận được thông báo nói trên.

2. Tổ chức liên kết kinh tế khu vực sẽ không còn là thành viên của Công ước này khi tất cả các quốc gia thành viên của tổ chức đó đã bãi bỏ Công ước này.

Điều 71. Lưu chiếu và ngôn ngữ

1. Tổng thư ký Liên hợp quốc được chỉ định là người lưu chiếu của Công ước này.

2. Các bản gốc của Công ước này mà các bản bằng tiếng Ả rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây ban nha đều có giá trị như nhau và sẽ được lưu chiếu cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Để làm bằng, các đại diện toàn quyền ký tên dưới đây, được chính phủ nước mình uỷ quyền một cách hợp lệ, đã ký Công ước này.